

BIỂU MẪU 18

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

(Thời gian: từ 1/1/2021 đến 31/12/2021)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	THPT	Số nghiên cứu sinh	Số học viên cao học	Số sinh viên đại học		
					Chính quy	Bằng Kép	Vừa làm vừa học
Tổng số		1305	24	897	2553	39	2128
I	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên						
1.	Quản lý giáo dục	-	7	521	-	-	27
2.	Quản trị trường học	-	-	9	207	-	-
3.	Khoa học giáo dục	-	-	-	114	-	-
4.	Quản trị công nghệ giáo dục	-	-	-	152	-	-
5.	Quản trị chất lượng giáo dục	-	-	-	149	-	-
6.	Tham vấn học đường	-	-	6	128	-	-
7.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	-	9	22	-	-	-
8.	Sư phạm Toán	-	-	-	379	31	46
9.	Sư phạm Vật lí	-	-	-	113	-	-
10.	Sư phạm Hoá học	-	-	-	113	-	-
11.	Sư phạm Sinh học	-	-	-	66	-	-

12.	Su phạm Lịch sử	-	-	-	68	-	-
13.	Su phạm Ngữ văn	-	-	-	364	8	83
14.	Su phạm Khoa học tự nhiên	-	-	-	229	-	44
15.	Su phạm Lịch sử - Địa lý	-	-	-	97	-	52
16.	Giáo dục mầm non	-	-	-	158	-	1034
17.	Giáo dục tiểu học	-	-	-	216	-	842
18.	LL&PP dạy học bộ môn Toán	-	-	183	-	-	-
19.	LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn	-	-	27	-	-	-
20.	LL&PP dạy học bộ môn Vật lí	-	-	44	-	-	-
21.	LL&PP dạy học bộ môn Sinh học	-	-	9	-	-	-
22.	LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử	-	-	15	-	-	-
23.	LL&PP dạy học bộ môn Hoá học	-	-	44	-	-	-
24.	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học	-	5	-	-	-	-
II	Khối ngành VII: Khoa học xã hội và hành vi						
25.	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	-	3	17	-	-	-
III	Trường Trung học phổ thông						
26.	Trường THPT Khoa học Giáo dục	1305	-	-	-	-	-

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)

1. Khóa 2013 – 2017

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	268	4.5%	51.1%	44.4%	91,6%
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)						
1	Cử nhân Sư phạm Toán học	44	2.3%	40.9%	56.8%	92,1%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	55	3.6%	56.4%	40%	100%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	42	2.4%	59.5%	38.1%	85,4%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	43	2.3%	32.6%	65.1%	92,3%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	56	12.5%	62.5%	25%	97,3%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	28	0%	50%	50%	80,7%

2. Khóa 2014 -2018

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	199	8%	50.3%	41.7%	95.8%
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)						
1	Cử nhân Sư phạm Toán	40	7.5%	50%	42.5%	94,1%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	38	2.6%	76.3%	21.1%	85%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	35	2.9%	25.7%	71.4%	95,6%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	25	0%	36%	64%	100%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	36	30.6%	61.1%	8.3%	97,1%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	25	0%	44%	56%	100%

3. Khóa 2015 -2019

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	TB	
	Tổng số	209					
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)							
1	Cử nhân Sư phạm Toán	47	4%	36%	60%	0%	95.2%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	26	19%	46%	31%	4%	88,9%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	33	6%	42%	52%	0%	96%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	21		24%	76%	0%	100%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	51	14%	73%	14%	0%	94,7%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	31		55%	45%	0%	85,7%

4. Khóa 2016 -2020

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	TB	
	Tổng số	230	14%	89%	124%	3%	80.2%
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)							
1	Cử nhân Sư phạm Toán	52	5%	18%	29%	0%	85%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	26	0%	8%	18%	0%	80%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	40	1%	11%	26%	2%	82.3%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	17%	0%	2%	14%	1%	66.6%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	64%	8%	41%	15%	0%	86%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	31%	0%	9%	22%	0%	81.3%

5. Khoá 2017 -2021

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	172	4.7%	45.3%	50.0%	Mới ra trường
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)						
1.	Sư phạm Toán	46	6.5%	45.7%	47.8%	Mới ra trường
2.	Sư phạm Vật lí	20	0.0%	35.0%	65.0%	Mới ra trường
3.	Sư phạm Hoá học	29	0.0%	0.0%	0.0%	Mới ra trường
4.	Sư phạm Sinh học	3	0.0%	0.0%	100.0%	Mới ra trường
5.	Sư phạm Lịch sử	18	0.0%	27.8%	72.2%	Mới ra trường
6.	Sư phạm Ngữ văn	56	8.9%	67.9%	23.2%	Mới ra trường

C. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG: (Áp dụng cho các ngành Cử nhân Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Quản trị trường học, Sư phạm Lịch sử và Sư phạm Ngữ văn)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của ĐHQGHN			
2	KT Chính trị				
3	CNXHKH				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
6	Ngoại ngữ cơ sở B1				
7	Giáo dục thể chất				
8	Giáo dục quốc phòng - an ninh				
9	Nhập môn CNGD	“Nhập môn Khoa học Giáo dục” là học phần tích hợp cao các tri thức lý luận GDH và các định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng trang bị cho người học một hệ thống kiến thức đại cương, cơ bản, hiện đại của giáo dục học, lịch sử giáo dục, về mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển, về mục tiêu giáo dục và hệ thống giáo	2		Đánh giá thường xuyên, Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm, Thi cuối kỳ.

		<p>dục quốc dân, và những vấn đề cơ bản của quá trình giáo dục trong nhà trường phổ thông, nhà giáo và người học.</p> <p>Học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản nền tảng về các trường phái hệ thống quan điểm thiết chế giáo dục tâm vĩ mô. Đặc biệt học phần cung cấp những định hướng mới cơ hội và thách thức của Khoa học Giáo dục trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0.</p>			
10	Nhập môn KHGD	<p>Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các học thuyết cũng như những thành tựu nghiên cứu của Khoa học giáo dục được ứng dụng cho việc dạy học và phân tích các vấn đề thực tiễn giáo dục. Các nội dung được chú trọng trong học phần này bao gồm: Lịch sử phát triển và các học thuyết giáo dục hiện đại; các phạm trù cơ bản của</p>	3		<p>Đánh giá thường xuyên Bài tập nhóm Bài thi hết môn</p>

		GDH; vai trò của GD với sự phát triển của cá nhân, xã hội, cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động học tập đòi hỏi sự chủ động trong nhận thức và khả năng tích hợp kinh nghiệm trong cuộc sống hàng ngày. Sinh viên được khuyến khích kiểm tra hệ thống giáo dục của Việt nam và việc học tập của chính bản thân với những gì các bạn được học trong khóa học này. Sinh viên được tạo cơ hội để tích cực khám phá những ý nghĩa thực tế và các ứng dụng của lý thuyết tâm lý, xã hội, kinh tế, quản lý, công nghệ,... trong Khoa học Giáo dục.			
11	PPNCKH trong GD	Học xong học phần này, người học sẽ có các kiến thức về quy trình và phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Các vấn	3		Đánh giá chuyên cần Đánh giá thường xuyên Đánh giá giữa kỳ Dự án/Bài tập nhóm Bài thi kết thúc học phần

		<p>đề về khái niệm, quy trình, phương pháp, kỹ thuật và phân tích dữ liệu cơ bản được cung cấp. Sinh viên hiểu quy trình, phương pháp và kỹ thuật được sử dụng bởi các nhà nghiên cứu thực hiện các thực nghiệm hay nghiên cứu điều tra, khảo sát trong trường học và các môi trường thực tế khác. Kết thúc học phần, sinh viên có nhận thức tốt về các phương pháp có thể được áp dụng cho các loại nghiên cứu khác nhau và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài của bản thân. Sinh viên có thể thảo luận và đánh giá tốt hơn về nghiên cứu của người khác, và cũng chuẩn bị tốt hơn trong việc lập kế hoạch, viết đề cương và thực hiện nghiên cứu của riêng mình, hoặc đóng góp như một phần của nhóm nghiên cứu.</p>			
12	Quy tắc ĐĐNN trong lĩnh vực GD	Đạo đức nhà giáo dục	2		Đánh giá thường xuyên

		<p>là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp. Nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp là trách nhiệm của người làm nghề trước xã hội và trước người khác. Lương tâm nghề nghiệp là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp giữ chức năng tình cảm của nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp, trạng thái khẳng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người tin tưởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Đánh mất ý thức về nghĩa vụ đạo đức là đánh mất ý thức về bản thân mình, làm mất ý nghĩa làm người</p>			<p>Bài tập nhóm Bài thi hết môn</p>
--	--	---	--	--	---

cũng như giá trị động lực của lao động.

Đạo đức nghề nghiệp đối với giáo dục là những chuẩn mực cao nhất về đạo đức, giáo dục và chuyên môn sư phạm vì lợi ích của xã hội; được xem là thước đo nhân phẩm để thầy cô kiến tạo những thế hệ tương lai của đất nước. Với những nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp phải được rèn luyện nghiêm khắc hơn bất kỳ ngành nghề nào. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đạo đức nghề nghiệp là nền tảng, niềm tin để các nhà giáo cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, vun đắp và thắp sáng cái thiện cũng như những đam mê khám phá tri thức cho những mầm non tương lai của xã hội.

Trong môi trường giáo dục, đạo đức nhà giáo dục chính là các chuẩn mực để đánh giá tinh thần, thái độ và sự chuyên nghiệp của mỗi

		<p>cán bộ, mỗi nhà giáo; đánh giá sự thành công của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo. Những nhà giáo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp luôn được tôn trọng và đánh giá cao. Những hành vi vi phạm chuẩn mực có thể bị lãnh đạo cơ sở giáo dục xử lý, hình thức xử lý có thể bao gồm từ nhắc nhở, khiển trách, kỷ luật hoặc đình chỉ công tác trong ngành giáo dục.</p>			
13	Nhập môn ĐL&ĐG trong GD	<p>Thông qua 4 nội dung của học phần, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản, làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục phân loại theo nguồn gốc thông tin mà mỗi loại hình sử dụng để đánh giá; tìm hiểu về đo lường và đánh giá thành quả học tập: các mục đích,</p>	2		<p>Tự đánh giá Đánh giá đồng đẳng Giảng viên đánh giá</p>

		chức năng và quy trình đánh giá trên diện rộng, đánh giá trong lớp học; đi sâu tìm hiểu về đánh giá chất lượng hoạt động của một cơ sở đào tạo, từ hoạt động tự đánh giá của cơ sở đào tạo tới công tác thanh tra, giám sát các hoạt động trong cơ sở đào tạo.			
--	--	--	--	--	--

II. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH CỬ NHÂN

2.1. Ngành Cử nhân Sư phạm Vật lý

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 7	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng dạy chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Management and Management of Education</i>	đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Vật lí <i>Physics Method</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng lí luận dạy học để thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức dạy học vật lí ở trường phổ thông. - Xây dựng cho người học khả năng vận dụng các quan điểm của lí luận dạy học hiện đại vào dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học Vật lí ở trường phổ thông. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Thực hành giảng dạy theo nhóm (02 bài) (20%) - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học, lập kế hoạch bài dạy cho 1 nội dung kiến thức Vật lí ở phổ thông (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
12	Dạy học thí nghiệm Vật lý phổ thông <i>Teaching Physics Experiment at Secondary School</i>	Sinh viên được thực hành sử dụng các bộ thí nghiệm phổ biến ở trường phổ thông, từ việc tiến hành thí nghiệm, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng thí nghiệm, thực hành dạy học với các bộ thí nghiệm. Được học cách thiết kế, chế tạo các dụng cụ thí nghiệm sử dụng trong dạy học.	3	Học kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng tiến hành thí nghiệm (10%) - Thực hành sử dụng thí nghiệm giảng dạy theo nhóm (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
13	Phân tích nội dung, chương trình vật lý ở trường phổ thông <i>Analyzing of Physics Content and Program at Secondary School</i>	- Xây dựng cho người học khả năng vận dụng lý luận dạy học Vật lý ở trường phổ thông. - Khả năng phân tích được cấu trúc chương trình, nội dung và các con đường hình thành các khái niệm, định luật, thuyết vật lý, các ứng dụng KHKT của vật lý theo chương trình vật lý ở trường THPT hiện hành.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học cho 1 nội dung kiến thức Vật lý ở phổ thông (10%) - Bài kiểm tra tự luận 60 phút (10%) - Bài kiểm tra tự luận 90 phút (60%)
14	Ứng dụng công nghệ	- Vận dụng các nguyên tắc và sử dụng các	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thông tin trong dạy học Vật lí. <i>Application ICT to Teaching Physics</i>	phần mềm trong dạy học vật lí ở trường phổ thông. - Sinh viên được thực hành sử dụng các phần mềm phổ biến trong dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng thí nghiệm ảo, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có ứng dụng CNTT, thực hành dạy học với các phần mềm.			dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)
15	Phương tiện dạy học Vật lí ở trường phổ thông <i>Aids of Physics at Secondary School</i>	Giúp Sinh viên sử dụng thành thạo một số phương tiện dạy học phổ biến để dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng kịch bản, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng các phương tiện dạy học, thực hành dạy học với các phương tiện đó.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phương tiện dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)
16	Dạy học tích hợp Vật lí với các môn khoa học tự nhiên khác <i>Blended-Teaching Physics with Different Natural Scientific Subjects</i>		3	Học kì 7	
17	Dạy học Vật lí tiếp cận chuẩn quốc tế <i>Teaching Physics Approaching to International</i>	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu các nội dung học phần trong và ngoài nước, từ đó vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo các tiêu chuẩn quốc tế.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xây dựng kế hoạch dạy học (5%) - Thực hành xây dựng hồ sơ học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Standard</i>				phần theo nhóm (phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể) (10%) - Tiểu luận phân tích việc xây dựng hồ sơ học phần (10%) - Thực hành triển khai dạy học tích cực (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành: Xây dựng hồ sơ học phần theo nhóm
18	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
19	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
20	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học kì 8	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến -) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên ngành
21	Lập trình phần mềm dạy học trên máy tính	Xây dựng cho người học khả năng lập trình các phần mềm dạy học bằng Flash hoặc Matlab. Vận dụng lý luận dạy học Vật lí ở	3		- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Programming of Teaching Learning Software on Computer</i>	trường phổ thông để xây dựng các phần mềm dạy học vật lí. Chú trọng nâng cao lập trình các phần mềm có khả năng tương tác tốt với người học để dạy học Vật lí ở phổ thông.		Học kì 8	giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, lập trình một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>				
2.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				
3.	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				
4.	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
5.	Cơ -Nhiệt <i>Mechanical -Thermodynamics</i>				
6.	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>				
7.	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
8.	Điện và từ học <i>Electricity and Magnetism</i>				
9.	Quang học <i>Optics</i>				
10.	Thực hành Vật lí đại cương 1 <i>General Physics Practice 1</i>				

Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11.	Thực hành Vật lý đại cương 2 <i>General Physics Practice 2</i>				
12.	Thực hành Vật lý đại cương 3 <i>General Physics Practice 3</i>				
13.	Vật lý hạt nhân <i>Nuclear Physics</i>				
14.	Vật lý nguyên tử <i>Atomic Physics</i>				
15.	Cơ học thống kê <i>Statistical Physics</i>				
16.	Cơ học lượng tử <i>Quantum Mechanics</i>				
17.	Điện tử số <i>Digital Electronics</i>				
18.	Tiếng Anh chuyên ngành <i>Academic English for Physics Students</i>				
19.	Các phương pháp thí nghiệm trong Vật lý hiện đại <i>Experimental Methods in Modern Physics</i>				
20.	Mở đầu Thiên văn học <i>Introduction to Astronomy</i>				
21.	Phương pháp toán cho Vật lý 1 <i>Mathematics in Physics 1</i>				
22.	Phương pháp toán cho Vật lý 2 <i>Mathematics in Physics 2</i>				
23.	Cơ học lý thuyết <i>Theoretical mechanics</i>				
24.	Điện động lực học <i>Quantum Mechanics</i>				
25.	Lịch sử Vật lý <i>Physics History</i>				
26.	Mở đầu về lý thuyết trường lượng tử <i>Introduction to Quantum Field Theory</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27.	Lý thuyết nhóm cho Vật lí <i>Group Theory</i>				
28.	Lý thuyết hạt cơ bản <i>Practice Theory</i>				
29.	Mở đầu thuyết tương đối rộng <i>Introduction to General Relativity</i>				
30.	Vật lí cơ sở <i>Basic Physics</i>				

2.2. Ngành Cử nhân Sư phạm Toán học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			
3	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình	- Học phần giúp hình thành	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.			qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Administrative Management and of Management Education</i>	những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc</i>	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p><i>trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.</p> <p>- Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý.</i></p>			

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính 1 <i>Linear Algebra 1</i>	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN			
2.	Đại số tuyến tính 2 <i>Linear Algebra 2</i>				
3.	Cơ - Nhiệt <i>Mechanics - Thermodynamics</i>				
4.	Điện - Quang <i>Electromagnetism - Optics</i>				
5.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				
6.	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>				
7.	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8.	Giải tích 1 (phần 2) <i>Calculus 1</i>				
9.	Giải tích 2 <i>Analysis 2</i>				
10.	Giải tích 3 <i>Analysis 3</i>				
11.	Phương trình vi phân <i>Differential Equations</i>				
12.	Phương trình đạo hàm riêng 1 <i>Partial Differential Equations 1</i>				
13.	Xác suất 1 <i>Probability 1</i>				
14.	Tối ưu hóa 1 <i>Optimization 1</i>				
15.	Hình học giải tích <i>Analytic Geometry</i>				
16.	Đại số đại cương <i>General Algebra</i>				
17.	Giải tích hàm <i>Functional Analysis</i>				
18.	Tô pô đại cương <i>General Topology</i>				
19.	Lịch sử toán học <i>History of Mathematics</i>				
20.	Giải tích số 1 <i>Numerical Analysis 1</i>				
21.	Giải tích phức <i>Complex Analysis</i>				
22.	Thống kê ứng dụng <i>Applied Statistics</i>				
23.	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Thực hành tính toán <i>Practicum in Computing</i>				
25	Cơ sở hình học vi phân <i>Introduction to Differential Geometry</i>				
26	Lý thuyết độ đo và tích phân <i>Measure and Integration Theory</i>				
27	Lý thuyết Galois <i>Galois Theory</i>				
28	Tiểu luận khoa học <i>Mini Project</i>				
29	Cơ sở giải tích Fourier <i>Introduction to Fourier Analysis</i>				
30	Thống kê ứng dụng <i>Applied Statistics</i>				
31	Hình học Fractal <i>Fractal Geometry</i>				
32	LaTeX và diễn giải toán học <i>LaTeX and Mathematics Interpretation</i>				
33	Cơ sở lý thuyết nội suy đa thức <i>Introduction to Polynomial Interpolation Theory</i>				

2.3. Ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2.	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học Kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong lĩnh vực giáo dục.			chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Curriculum Development</i>	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phân biệt trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6.	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh	3	Học Kỳ 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Education</i>	vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học Kỳ 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10.	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rồi nhiều tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11.	Phương pháp dạy học Hoá học <i>Theory and Methodology of Chemistry Teaching</i>	Giúp SV rèn kỹ năng nghề theo chuẩn năng lực nghề nghiệp của SV sư phạm; Những phương pháp dạy học chủ yếu trong dạy học hóa học ở trường phổ thông.	3	Học Kỳ 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
12.	Dạy học thí nghiệm Hóa học phổ thông <i>Using Experiments in Teaching Chemistry</i>	- Rèn kỹ năng dạy thực hành thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông như: kỹ năng lắp ráp và tiến hành thí nghiệm; Đặt câu hỏi về hiện tượng thí nghiệm, phân tích hiện tượng; Nhận xét, giải thích và đánh giá kết quả thí nghiệm; Kỹ năng dạy học có sử dụng thí nghiệm hóa học.	3	Học Kỳ 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13.	Dạy học bài tập Hóa học	- Học phần giúp SV rèn luyện tư duy, kỹ	3	Học Kỳ 7	- Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	phổ thông <i>Exercising in Teaching Chemistry</i>	năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề của hoá học cho sinh viên Sư phạm Hóa học. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			tuệ (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14.	Phân tích chương trình Hóa học phổ thông hiện hành <i>Curriculum Analysis General Chemistry</i>	- Giúp SV có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK Hóa học của một số nước trên thế giới, vận dụng những ưu điểm cho việc xây dựng chương trình của Việt Nam. - Giúp SV phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất được chương trình/kế hoạch phù hợp với điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia).	3	Học Kỳ 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận Phân tích 1 nội dung kiến thức Hóa học ở phổ thông và lựa chọn phương pháp dạy học (10%) - Kiểm tra giữ kỳ tự luận 60 phút hoặc tiểu luận (10%) - Thi kết thúc môn tự luận 90 phút hoặc tiểu luận (60%)
15.	Dạy học Hóa học phổ thông theo chuyên đề <i>Teaching Chemistry According to Topics</i>	Mục tiêu của học phần nhằm áp dụng kiến thức, kỹ năng về hoá học cho một số vấn đề điển hình một cách có hệ thống. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ	3	Học Kỳ 7	- Đánh giá khả năng lực trình bày vấn đề (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16.	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</p> <p>Hóa học phổ thông</p> <p><i>Applied IT to Chemistry Teaching</i></p>	Giúp SV hệ thống được những kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, vận dụng chúng để thiết kế và triển khai bài dạy môn hóa học THPT nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy học như: xây dựng giáo án điện tử, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Hóa học; Triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương tiện công nghệ, đặc biệt là sử dụng công nghệ trong mô phỏng và dạy học thí nghiệm hóa học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm (10%) - Đánh giá khả năng nhớ và ứng dụng các phần mềm (15%) - Đánh giá kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và triển khai bài giảng... (60%)
17.	<p>Thực tập sư phạm</p> <p><i>Pedagogical Practicum</i></p>		4	Học Kỳ 8	
18.	<p>Khóa luận tốt nghiệp</p> <p><i>Undergraduate Thesis</i></p>		6	Học Kỳ 8	
19.	<p>Dạy học Hóa học gắn liền với thực tiễn</p> <p><i>Teaching Chemistry Associated with Reality</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp SV đưa thực tiễn vào bài học và vận dụng các quy luật của hoá học vào thực tiễn. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, 	3	Học Kỳ 8	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng lực trình bày vấn đề (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20.	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học Kỳ 8	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): <ul style="list-style-type: none"> +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên ngành

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN
2.	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				
3.	Sinh học đại cương <i>Basic Biology</i>				
4.	Cơ -Nhiệt <i>Mechanical -Thermodynamics</i>				
5.	Hóa học đại cương 1				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Accelerated Chemistry 1</i>				
6.	Thực tập hóa học đại cương <i>Accelerated Chemistry Lab</i>				
7.	Hóa học đại cương 2 <i>Accelerated Chemistry 2</i>				
8.	Hóa học vô cơ 1 <i>Inorganic Chemistry 1</i>				
9.	Thực tập hóa học vô cơ 1 <i>Inorganic Chemistry Lab1</i>				
10.	Hóa học hữu cơ 1 <i>Organic Chemistry 1</i>				
11.	Thực tập hóa học hữu cơ 1 <i>Organic Chemistry Lab 1</i>				
12.	Hóa học hữu cơ 2 <i>Organic Chemistry 2</i>				
13.	Cơ sở hóa học phân tích <i>Quantitative Analysis</i>				
14.	Thực tập hóa học phân tích <i>Quantitative Analysis Lab</i>				
15.	Hóa lý 1 <i>Physical Chemistry 1</i>				
16.	Hóa lý 2 <i>Physical Chemistry 2</i>				
17.	Hóa học vô cơ 2 <i>Inorganic Chemistry 2</i>				
18.	Thực tập hóa lý 1 <i>Physical Chemistry Lab 1</i>				
19.	Điện- Quang <i>Electromagnetism-Optics</i>				
20.	Thực tập hóa học hữu cơ 2 <i>Organic Chemistry Lab 2</i>				
21.	Thực tập hóa lý 2				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Physical Chemistry Lab 2</i>				
22	Thực tập hóa vô cơ 2 <i>Inorganic Chemistry Lab2</i>				
23	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
24	Cơ sở hóa sinh <i>Fundamental of Biochemistry</i>				
25	Hóa keo <i>Colloid Chemistry</i>				
26	Hoá học môi trường <i>Environmental Chemistry</i>				
27	Hóa học các hợp chất cao phân tử <i>Chemistry of Polymers</i>				
28	Các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học <i>Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems</i>				
29	Thực tập các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học <i>Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems Lab</i>				
30	Vật liệu vô cơ <i>Inorganic Material</i>				
31	Vật liệu nano và composit <i>Nanomaterials and Composites</i>				

2.4. Ngành Cử nhân Sư phạm Sinh học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2.	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3		<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Curriculum Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6.	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .			
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Sinh học <i>Methods of Teaching Biology</i>	- Hình thành ở sinh viên sự hiểu biết rõ ràng về những đặc điểm của quá trình giáo dục đào tạo học sinh thông qua bộ môn sinh học ở các trường phổ thông. - Thúc đẩy tính sáng tạo trong thiết kế bài giảng. Giúp SV xác định được ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu từ đó, có thể sáng tạo sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu tùy theo ý đồ sử dụng trong việc dạy học.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài thi nhỏ (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung, bài thi viết cá nhân (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Dạy học thí nghiệm Sinh học phổ thông <i>Teaching Biological Experiments</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hệ thống hoá chương trình thí nghiệm sinh học. Biết lựa chọn và sử dụng thí nghiệm trong dạy học sinh học một cách hợp lý và hiệu quả ở trường THPT. - Khả năng sử dụng phần mềm thiết kế một số thí nghiệm ảo trong trường hợp khó thực hiện trong thực tiễn. - Định hướng, hỗ trợ giáo sinh sáng tạo trong thiết kế thí nghiệm thực trong thực tiễn và thí nghiệm ảo có liên quan đến nội dung bài học. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên thông qua việc dạy thí nghiệm (10%) - Bài tập cá nhân qua các buổi chuẩn bị thực hành (10%) - Bài tập lớn thông qua các bài tường trình thí nghiệm (20%) - Thi kết thúc học phần: Thí nghiệm (60%)
13	Dạy học tích hợp Sinh học với các môn khoa học khác <i>Interdgrated Teaching Biology</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp SV có khả năng tích hợp các môn khoa học tự nhiên khác khi dạy học Sinh học. - Sinh viên được phát huy khả năng nghiên cứu khoa học liên môn và ứng dụng công nghệ vào trong thực tiễn. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14	Phát triển chương trình môn Sinh học ở trường phổ thông <i>High School Biology Curriculum Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp SV có khả năng phát triển chương trình môn Sinh học khi dạy học ở trường phổ thông - Giới thiệu và phân tích các quan điểm tiếp cận khi xây dựng chương trình, các khái niệm, các bước xây dựng CTĐT và phát triển chương trình; phương thức đánh giá một chương trình... 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15	Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Sinh học <i>Advanced Topics in Teaching Biology</i>	Học phần củng cố các kiến thức gắn với chương trình phổ thông, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm, đi sâu khai thác một số kiến thức khó nhằm trang bị cho sinh viên những hành trang cần thiết để có thể ôn luyện học sinh giỏi, đồng thời nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
16	Dạy bài tập Sinh học phổ thông <i>Teaching Biological Exercises</i>	- Giúp giáo sinh có khả năng hình thành ở học sinh các kiến thức, kỹ năng, thái độ thông qua hướng dẫn học sinh giải quyết các bài tập sinh học	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
17	Bồi dưỡng học sinh giỏi sinh học <i>The Fostering Gifted Pupils in Biology</i>	- Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về sinh học nâng cao, phương pháp giải các bài tập sinh học và kỹ năng tiến hành các thí nghiệm liên quan đến giải phẫu sinh lý. Một số chủ đề giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm học sinh	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giới sinh học và bồi dưỡng nghiệp vụ cho sinh viên.			dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học <i>IT Application in Teaching Biology</i>	Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong xây dựng giáo án điện tử/hồ sơ bài học, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Sinh học; thực hành triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương tiện công nghệ theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của người học trong môn Sinh học ở trường THPT.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
19	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
20	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
21	Dạy học sinh học tiếp cận chuẩn quốc tế <i>Teaching Biology According to International Standards</i>	- Giúp SV có khả năng tiếp cận các yếu tố quốc tế khi dạy học. - Giúp SV phát huy khả năng nhận biết hành vi của học sinh trong lớp học từ đó xây dựng các phương pháp dạy học hiệu quả.	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Phát triển tư duy cho học sinh trong dạy học Sinh học <i>The Developing Student's Minds in Biology teaching</i>	- Giúp SV có khả năng phát triển tư duy cho học sinh khi dạy học sinh học ở trường phổ thông dựa trên những kiến thức về sinh lý học thần kinh.	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
2	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				
3	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
4	Cơ-Nhiệt <i>Mechanics – Thermodynamics</i>				
5	Điện – Quang <i>Electromagnetism - Optics</i>				
6	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
7	Hóa học hữu cơ				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Organic Chemistry</i>				
8	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>				
9	Di truyền học <i>Genetics</i>				
10	Hóa sinh học <i>Biochemistry</i>				
11	Thực tập thiên nhiên <i>Tropical Ecology and Conservation</i>				
12	Nhập môn công nghệ sinh học <i>Introduction to Biotechnology</i>				
13	Thống kê sinh học <i>Biostatistics</i>				
14	Lý sinh học <i>Biophysics</i>				
15	Sinh học phân tử <i>Molecular Biology</i>				
16	Thực vật học <i>Botany</i>				
17	Sinh lý học thực vật <i>Plant Physiology</i>				
18	Động vật học động vật không xương sống <i>Invertebrate Zoology</i>				
19	Động vật học động vật có xương sống <i>Vertebrate Zoology</i>				
20	Sinh lý học người và động vật <i>Human and Animal Physiology</i>				
21	Vi sinh vật học <i>Microbiology</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Sinh học người <i>Human Biology</i>				
23	Giải phẫu người <i>Human Anatomy</i>				
24	Cơ sở sinh thái học <i>Basic Ecology</i>				
25	Sinh học cơ sở <i>Basic Biology</i>				

2.5. Ngành Cử nhân Quản trị trường học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản trị học <i>Administration</i>	<ul style="list-style-type: none"> Học phần giúp sinh viên có kiến thức về quản trị học nói chung và bước đầu có khả năng vận dụng kiến thức đó vào nhận biết, so sánh và đánh giá một số hoạt động, hiện tượng quản trị trong các cơ sở giáo dục. Sử dụng kiến thức quản trị học làm cơ sở để tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng của các học phần khác trong chương trình đào tạo 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra kiến thức học phần (10%) Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Education</i>	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói 	3	Học kì 1	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường.</p> <p>- Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.</p>			<p>- Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>
3	<p>Đại cương về Quản trị trường học</p> <p><i>Introduction to Educational Administration</i></p>	<p>- Giúp học viên có thể xác định được khái niệm và lý thuyết về quản trị giáo dục, phân biệt được các kỹ năng, hành vi và khả năng của các quản trị viên nhà trường, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của các quản trị viên trong nhà trường.</p> <p>- Biết khai thác công nghệ thông tin trong giải quyết vấn đề.</p>	3	Học kì 3	<p>- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>
4	<p>Hành chính học đại cương</p> <p><i>General Administrative Science</i></p>	<p>Giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản về học phần, vận dụng những kiến thức đã học biết nhận xét, phân tích một số hiện tượng nảy sinh trong thực tiễn hoạt động quản lý hành chính nhà nước của bộ máy hành chính nhà nước. Từ</p>	3	Học kì 1	<p>- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đó có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực tham gia sau này khi ra trường.			phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
5	Đại cương tâm lý học và tâm lý học nhà trường <i>General psychology and school psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 2	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa. (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Công nghệ giáo dục trong thời kỳ 4.0 <i>Educational Technology in Revolution Industrial 4.0</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công nghệ giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để tổ chức và kiểm soát quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường. - Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến tổ chức, kiểm soát quy trình giáo dục học sinh trong trường học trường ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai. 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Xã hội học và xã hội học giáo dục <i>Sociology and Educational Sociology</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần cung cấp các cách tiếp cận lý luận hiện đại giúp sinh viên có cái nhìn chuyên sâu từ góc độ xã hội học về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, một lĩnh vực quốc sách hàng đầu của sự phát triển đất nước. 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Kinh tế học giáo dục <i>Education Economics</i>	- Giúp sinh viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến kiến thức đã học để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, hoạch định những biện pháp phát triển giáo dục, đổi mới phương thức QLGD phù hợp.	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Lí thuyết về hành chính trong các tổ chức giáo dục <i>Theories of Administration in Educational Institutions</i>	- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hành chính học và có khả năng vận dụng các lý thuyết của học phần vào thực tiễn công tác hành chính trong nhà trường, cơ sở giáo dục; có kỹ năng thực hiện tốt các nghiệp vụ hành chính, biết sắp xếp khoa học các kế hoạch công việc hành chính trong nhà trường.	4	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
11	Lý luận dạy học hiện đại <i>Modern teaching Theories</i>	- Cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học hiện đại - Hình thành cho sinh viên năng lực đánh giá, xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học trong công tác quản trị trường học tương lai.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
12	Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường <i>Applied psychology in school administration</i>	- Giúp sinh viên có kiến thức tâm lý học trong lĩnh vực lãnh đạo, quản trị nhà trường và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động quản lý tại các cơ sở giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân nhà quản trị cũng như các toàn bộ hoạt động quản trị diễn ra trong nhà trường.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ: +) Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển hệ thống GD quốc dân của mỗi quốc gia +) Hiểu được những khái niệm liên quan đến hệ thống GD quốc dân +) Phân tích được những đặc trưng của ngành học, bậc học, cấp học +) Chỉ ra được nội dung quản lý	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bậc học, cấp học trong hệ thống GD quốc dân +) Trình bày được cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục.			
14	Giám sát hoạt động Giáo dục trong Nhà trường <i>Supervising Educational Activities in Schools</i>	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về các hoạt động giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường; giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục liên quan trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15	Quản lý chương trình nhà trường <i>School based curriculum management</i>	- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phân biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (10%) - Đánh giá kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16	Quản trị chiến lược trong	- Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, sử dụng các	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nhà trường <i>Strategic Administration in School</i>	phương pháp, kỹ thuật và phương tiện để xây dựng khung chính sách, chiến lược và kế hoạch quản trị trong nhà trường.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
17	Quản trị Trường học trong mối quan hệ giữa Nhà trường và cộng đồng. <i>School Administration in the relationship between the school</i>	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được những ý tưởng và chiến lược để kết nối với cộng đồng trường học qua việc phát triển các mối quan hệ với học sinh, phụ huynh, giảng viên và nhà tuyển dụng.	3	Học kì 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về quản trị trường học trong mối quan hệ nhà trường cộng đồng trong các cơ sở giáo dục và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường <i>Applied IT in schools Administration</i>	Giúp người học biết được vị trí, vai trò và ứng dụng của công nghệ thông tin trong quản lý và quản trị Nhà trường; phân tích được quá trình sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng được một hệ thống công nghệ thông tin phù hợp	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với một nhiệm vụ quản trị Nhà trường. Trên cơ sở đó, có thái độ tốt trong việc vận hành có hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị.			thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
19	Quan hệ nội bộ trong nhà trường <i>Interior relations in Schools</i>	Giúp sinh viên hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, vận dụng kiến thức để phân tích được các ứng dụng của quan hệ công chúng trong nhà trường và có thể đặt tip và viết bài PR cho một sự kiện cụ thể.	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20	Xây dựng văn hóa nhà trường <i>Schools Culture Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp SV hiểu rõ vai trò của văn hóa tổ chức nói chung và văn hóa nhà trường nói riêng; nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường. - Chuẩn bị cho SV - các nhà quản lý tương lai những công cụ tác động tới chính văn hóa 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học			
21	Kỹ năng Quản trị Trường học 1 <i>School Administration Skills 1</i>	Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều hành hoạt động công sở, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức và điều hành một số hoạt động hành chính ở vị trí là người quản trị viên trong nhà trường.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Kỹ năng Quản trị Trường học 2 <i>School Administration Skills 2</i>	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được các kỹ năng giao tiếp của người quản trị viên, vận dụng kiến thức để tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với đối tượng giao tiếp ở trong nhà trường nói riêng, trong cuộc sống nói chung.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
23	Kỹ năng Quản trị Trường học 3 <i>School Administration</i>	Giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cơ bản về những kỹ năng mang tính đặc thù của nhà quản trị trường học và khả năng vận	3	Học kì 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Skills 3</i>	dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của mình góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu của mỗi cơ sở giáo dục.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
24	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường <i>Supervision of teaching activities at School</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công tác giám sát hoạt động dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để giám sát các hoạt động dạy học trong nhà trường. - Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến giám sát hoạt động dạy học trong trường học trường ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai. 	4	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
25	Chính sách và thực thi quản trị trường học <i>Schools Administration, Policies and Practice</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các chính sách giáo dục, khái niệm, vai trò, các loại hình chính sách giáo dục và quy trình thực hiện chính sách giáo dục. - Cung cấp nền tảng kiến thức mới về quản trị giáo dục, chính 	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sách hỗ trợ cho các nhân viên trong các lĩnh vực chính sách giáo dục, chính trị và hành chính.			- Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về chính sách và thực thi chính sách quản trị giáo dục của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
26	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	- Học phần giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội. - Học phần đề cập đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.	2	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
27	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường <i>Human Resources Administration in</i>	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường và kỹ thuật quản trị giáo	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>School</i>	viên, nhân viên trong nhà trường			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
28	Quản lý tài chính trong nhà trường <i>Financial Management at School</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của Học phần, vận dụng những kiến thức đã học vào việc quản lý cũng như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính trong trường học; phân tích được những mặt tích cực và hạn chế của chế tài cơ chế quản lý tài chính trong Nhà trường ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
29	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường <i>Infrastructure Management at School</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục - Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất - thiết bị, đồng thời có ý thức đúng đắn cho việc định 	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục ở nhà trường			(60%)
30	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục <i>Quality Assurance in Education</i>	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được khái niệm, các mô hình và hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; vận dụng kiến thức để đánh giá một mô hình đảm bảo chất lượng và tham gia quá trình tự đánh giá chất lượng trong giáo dục.	3	Học kì 5	Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
31	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo <i>Administrative and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
32	Đánh giá trong giáo dục	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Assessment in Education</i>	trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
33	Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>Theories and Law on Anti-corruption</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề về pháp luật và phòng chống tham nhũng; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà trường; giúp sinh viên định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
34	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục <i>Community mobilization in Education</i>	- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần thiết để huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục tại trường mình, địa phương mình đang công tác. - Hình thành tư duy mở và phản	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Đánh giá kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích....

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biện trong huy động cộng đồng xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.			các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
35	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường <i>Career Counseling in School</i>	Người học nắm được hệ thống kiến thức, kỹ năng về hoạt động tư vấn, hướng nghiệp trong giáo dục cho học sinh đồng thời biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết những tình huống cụ thể trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
36	Quản trị dự án trong trường học <i>Project Administration in School</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về quản trị dự án trong trường học, nắm vững quy trình quản trị dự án trong trường học, vận dụng kiến thức đã học để quản trị dự án trong trường học. - Học cách ứng dụng một cách hệ thống các kiến thức, kỹ năng 	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học được vào dự án của riêng mình. - Đưa các phương pháp quản trị dự án giáo dục vào thực tiễn.			
37	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Brand Management and Marketing of school</i>	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình marketing và quản trị thương hiệu, quản trị marketing của nhà trường. Từ đó, phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu và quản trị chiến lược marketing của nhà trường.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
38	Lãnh đạo sáng tạo <i>Creative leadership</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức về năng lực sáng tạo của lãnh đạo nhà trường nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển giáo dục.	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
39	Tư vấn tâm lý học đường	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Psychological counseling in schools</i>	vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
40	Hệ thống thông tin trong quản trị trường học <i>Information System in school Administration</i>	- Giúp người học biết được vị trí, vai trò và giá trị của thông tin trong quản lý và quản lý giáo dục; phân tích được quá trình truyền thông trong quản lý; xây dựng được một hệ thống thông tin quản lý giáo dục phù hợp với một nhiệm vụ quản lý giáo dục. - Từ đó có thái độ tốt trong việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý giáo dục trong thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
41	Quản trị thông tin trong		3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trường học <i>Administration information in Schools</i>				- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
42	Thực tập nghiệp vụ 1 <i>Internship 1</i>		4	Học kì 6	
43	Thực tập nghiệp vụ 2 <i>Internship 2</i>		6	Học kì 8	
44	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
45	Thực hành quản trị trường học <i>School Administration Practices</i>	Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng bổ trợ của người cán bộ quản trị nhà trường: kỹ năng quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị cơ sở vật chất, kỹ năng tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi...	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
46	Nghiệp vụ quản lý hành	Giúp sinh viên hệ thống được	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chính trong cơ sở giáo dục <i>Administrative Management in Educational Institutions</i>	những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính nói chung và nghiệp vụ hành chính trong cơ sở đào tạo, vận dụng những kiến thức đã học để hình thành năng lực quản lý hành chính, giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan đến hành chính trong nhà trường.			(10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

2.6. Ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường.</p> <p>- Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.</p>			<p>năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>
3	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công nghệ trong dạy học.			dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa. (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát	- Giúp sinh viên thực	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			- Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lai.			
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .			
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rời rạc tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Lịch sử <i>Methodology of History Teaching</i>			Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
12	Thực hành dạy học Lịch sử <i>Practice of History Teaching</i>			Học kì 7	
	Kỹ thuật dạy học Lịch sử <i>History Teaching Techniques</i>			Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
13	Thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong dạy			Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học Lịch sử <i>Practice of Using Technology in History Teaching</i>				thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
14	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
15	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
16	Lí luận, công nghệ dạy học hiện đại môn Lịch sử <i>History Teaching Theories and Technology</i>		3	Học kì 8	
17	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning</i>	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Environment</i>	<p>bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi</p>			

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trường học tập.</p> <p>Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học (Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối mạng.</p>			
18	<p>Tư vấn hướng nghiệp</p> <p><i>Vocational Orientation Counselling</i></p>	<p>Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và</p>	3	Học kì 8	<p>Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 %</p> <p>Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 %</p> <p>Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 %</p> <p>Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chọn nghề phù hợp.			
19	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương <i>Local History Researching and Teaching</i>		3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử do Trường ĐHKHXH&NV giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of Vietnam</i>	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV			
2	Lịch sử Việt Nam cận đại <i>Modern History of Vietnam</i>				
3	Lịch sử Việt Nam hiện đại <i>Contemporary History of Vietnam</i>				
4	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of the World</i>				
5	Lịch sử Thế giới cận đại <i>Modern History of the World</i>				
6	Lịch sử Thế giới hiện đại <i>Contemporary History of the World</i>				
7	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Vietnamese cultural establishments</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Lịch sử văn minh thế giới				
9	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>				
10	Lịch sử sử học <i>History of the Historiography</i>				
11	Cơ sở khảo cổ học <i>Introduction to Archeology</i>				
12	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Villages in History</i>				
13	Đô thị cổ Việt Nam <i>Ancient Cities of Vietnam</i>				
14	Các tôn giáo thế giới <i>World Religions</i>				
15	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á <i>Socio-Economic Development in the East-Asian Countries</i>				
16	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á <i>Socio-Economic Development in the Southeast Asian Countries</i>				
17	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam <i>The Study of Historical Documents and Historical Sources in Vietnam</i>				
18	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử <i>Some Methods in Historical Research</i>				
19	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại <i>East-West Acculturation in Modern Vietnam</i>				
20	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>The People's National Democratic Revolution of Vietnam</i>				
21	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam <i>Nguyen Ai Quoc and the Dissemination of Marxist-Leninist Ideology into Vietnam</i>				
22	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại <i>Wars of Resistance Against Foreign Invasion in Ancient and Medieval Vietnam</i>				
23	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại <i>Tendencies of Liberation Thoughts in Modern Vietnam</i>				
24	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông <i>Traditional Trade Relations in the East Sea</i>				
25	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh <i>Main Features of International Relations after the Cold War</i>				
26	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai <i>The U.S Foreign Policies after World War II</i>				
27	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2000 <i>Vietnam's Socio - Economic Transformation, 1945-2000</i>				
28	Quá trình dân tộc-lãnh thổ của Việt Nam <i>The Process of National and Territorial Formation of Vietnam</i>				

5.7. Ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn

Các học phần do Trường Đại học Giáo dục giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	--------------	-------------------	------------	----------------------	--------------------------------

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.			(10%) <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education</i>	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần,	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Curriculum Development</i>	<p>ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm.</p> <p>- Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	<p>Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội</p> <p><i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	<p>Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo</p> <p><i>Administrative Management and Management of</i></p>	<p>Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các</p>	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Education</i>	vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .			
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Ngôn ngữ và văn học <i>Language and Literature</i>	<p>Học xong học phần này, sinh viên có thể</p> <p>Kiến thức</p> <p>Tự giới thuyết một cách nhất quán và có hệ thống các khái niệm và cụm từ then chốt của bài giảng này: “Ngôn Ngữ”, “Văn Học” “Diễn Ngôn”, “Sáng tác Văn chương”, “Văn xuôi</p>	3	Học kì 6	<p>Bài tập nhóm: đánh giá ý thức học tập, sự chuyên cần, sự phối hợp (10%)</p> <p>Bài tập cá nhân: Đánh giá việc tự học, thực hành của sinh viên (10%).</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ:Đánh giá</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Tự sự”, “Tác phẩm Chính luận”, “Tác phẩm Nghị luận”, “Thơ ca Trữ tình”, “Lí luận Văn học”, “Nghiên cứu Phê bình Văn học”, ...</p> <p>Phân biệt theo nguyên tắc nhất định “Dụng ngữ nguyên sinh” và “Dụng ngữ thứ sinh”, “Ngôn ngữ Nói” và “Ngôn ngữ Viết”; “Ngôn từ chất liệu” và “Ngôn từ công cụ”; “Ngôn ngữ Thơ” và “Ngôn ngữ Văn xuôi Tự sự”.</p> <p>Nêu được mối quan hệ giữa “Ngôn ngữ” và “Văn học”:</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Phân tách được cấu trúc luận ngôn ngữ: hai mặt năng biểu và sở chỉ, chọn lựa và kết hợp</p> <p>Vận dụng hiểu biết về hai mối quan hệ tổ hợp lân cận đồng hiện (syntagmatique) và liên tưởng tiềm tàng (inabsentia) vào thao tác phân tích cấu trúc thơ ca và văn xuôi</p> <p>Khu biệt được ẩn dụ và hoán dụ đi kèm với việc chỉ rõ thơ chịu sự chi phối của của nguyên tắc tính tương tự trong lúc văn xuôi hoạt động trong quan hệ tương cận;</p> <p>Nhận diện được quan điểm cho rằng tiếp nối và chuyển hoán là hai nguyên tắc của tự sự.</p> <p>Thực hành tạo lập dụng ngữ theo thể loại văn bản cụ thể</p>			<p>kết quả học tập ½ học kỳ, kỹ năng làm việc nhóm, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến việc dạy học (20%)</p> <p>Bài thi hết môn: Đánh giá kết quả học tập cuối học phần, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến chương trình, đề cương học phần.(40%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Thái độ Tôn trọng thao tác phân tích khoa học và nghiên cứu bài bản Yêu thích tư duy hệ thống hóa và khái niệm hóa Phê phán sự cố chấp và giáo điều kinh viện Xa rời lối dụng ngữ kiểu MC (dẫn chương trình/bình tán phiên phiên) khi viết lách hay trình bày vấn đề học thuật, giảng dạy</p> <p>Mục tiêu khác Xây dựng các nội dung dạy học tích hợp Ngữ và Văn, Khoa học và Nghệ thuật</p>			
12	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp <i>The Use of Intergal Methods in Literature Teaching</i>	Sinh viên cập nhật được những kiến thức lí luận về dạy học tích hợp nói chung và dạy học tích hợp trong môn Ngữ văn ở trường trung học nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tiễn dạy học: tổ chức dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp.	3	Học kì 6	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10% Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20% Bài thi hết môn (SV soạn giáo án dạy học một bài trong chương trình Ngữ văn ở THPT theo hướng tích hợp): 60%
13	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường <i>Literature Theories in School</i>	Hình thành, củng cố một số kiến thức về các kiểu văn bản được dạy trong phân môn Làm văn ở nhà	3	Học kì 6	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường phổ thông. - Vận dụng kiến thức về các kiểu văn bản để dạy tạo lập văn bản trong phân môn Làm văn ở nhà trường phổ thông.			Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Tiểu luận): 60 %
14	Dạy học Văn học trong nhà trường phổ thông <i>Literature Teaching in Secondary School</i>	Học xong học phần này, sinh viên hiểu và phân tích được cấu trúc nội dung chương trình dạy học Văn ở trường THPT. Trên cơ sở tích hợp tri thức liên ngành Văn trong dạy học học phần cấu tạo SGK từ ba phân môn Văn học, Tiếng Việt và Làm văn, sinh viên biết tổng hợp và đánh giá được các mối liên hệ về phương pháp và kỹ năng dạy-học chương trình Văn trung học. Biết tổ chức dạy học Văn ở trường THPT.		Học kì 7	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Tiểu luận): 60 %
15	Dạy học Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông <i>Vietnamese Teaching in</i>	sinh viên nắm được cấu tạo chương trình và Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt; Sinh viên cập nhật được các kiến thức mới và hình thành những kỹ năng cần thiết trong	3	Học kì 7	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Secondary School</i>	Việc tổ chức dạy học Ngữ Văn ở trường THPT.			(SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %
16	Dạy đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông <i>Reading Comprehension Teaching in School</i>			Học kì 7	
17	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
18	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
19	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.</p> <p>Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học (Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối mạng.</p>			
20	Tư vấn hướng nghiệp <i>Vocational Orientation Counselling</i>	Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Đề cương các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn do Trường Đại học KHXH&NV tổ chức giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Hán Nôm cơ sở <i>Basic Sino-Nom</i>				
30	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>				
31	Lịch sử văn minh thế giới				
32	Tác phẩm và loại thể văn học <i>Literary Works and Literary Genres</i>				
33	Nguyên lí lí luận văn học <i>Principles of Literary Theory</i>				
34	Phong cách học Tiếng Việt <i>Vietnamese Stylistics</i>				
35	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>				
36	Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường <i>Vietnamese Linguistics and Teaching Vietnamese in Schools</i>				
37	Hán văn Việt Nam <i>Classical Chinese in Vietnam</i>				
38	Nghệ thuật học đại cương <i>General Artistry</i>				
39	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp <i>The Use of Intergal Methods in Literature Teaching</i>				
40	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường <i>Literature Theories in School</i>				
41	Hán văn Việt Nam				

Thực hiện theo đề cương các học phần và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Classical Chinese in Vietnam</i>				
42	Nghệ thuật học đại cương <i>General Artistry</i>				
43	Ngữ pháp học Tiếng Việt <i>Vietnamese Grammar</i>				
44	Văn học dân gian Việt Nam <i>Vietnamese Folk Literature</i>				
45	Văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến giữa thế kỷ 18 <i>Vietnamese Literature from 10th Century to First Half of 18th Century</i>				
46	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 đến thế kỷ 19 <i>Vietnamese Literature from the Late Half of 18th Century to 19th Century</i>				
47	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 <i>Vietnamese Literature from 1900 to 1945</i>				
48	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay <i>Vietnamese Literature from 1945 to Now</i>				
49	Văn học Trung Quốc <i>Chinese Literature</i>				
50	Văn học Châu Âu <i>European Literature</i>				
51	Văn học Bắc Mỹ – Mỹ Latinh <i>North American and Latin American Literature</i>				
52	Văn học Nga <i>Russian Literature</i>				
53	Ngôn ngữ học ứng dụng				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Applied Linguistics</i>				
54	Thi pháp văn học dân gian <i>Poetics of Folk Literature</i>				
55	Ngữ âm học và Từ vựng học Tiếng Việt <i>Vietnamese Phonology and Lexicology</i>				
56	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>				
57	Văn học khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á <i>Southeast and Northeast Asian Literature</i>				
58	Nhập môn phân tích diễn ngôn <i>Introduction to Discourse Analysis</i>				
59	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ <i>Methods of Teaching Vietnamese as a Second Language</i>				
60	Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam <i>Historical Features of Vietnamese Literature</i>				

III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH THẠC SĨ

3.1. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		đạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	<p>Học phần giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên,</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		làm khóa luận tốt nghiệp.			
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Thi pháp học	Học phần cung cấp cho học viên các phương tiện hữu hiệu để nghiên cứu các hiện tượng văn học một cách khoa học khách quan. Từ cách tiếp cận thi pháp học, học viên có thể khám phá được phong cách	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi hết học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		nghe thuật của nhà văn, đặc trưng thể loại văn học, đặc trưng thi pháp của từng thời đại văn học cũng như đặc trưng thi pháp của các trào lưu văn học. Đặc biệt, học viên vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn.			phần
8	Lý thuyết tiếp nhận văn học	Học xong học phần này, học viên có những tri thức về tiếp nhận văn học; Phân tích được mối quan hệ giữa Lý thuyết tiếp nhận với Mỹ học tiếp nhận và các lý thuyết phê bình văn học; Trình bày được nội dung chính của các vấn đề trong Lý thuyết tiếp nhận văn học; Phân tích được các vấn đề “tâm kỳ vọng”, “chuẩn mực văn học”, các tính chất và các cấp độ của tiếp nhận văn học.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
	Đọc - hiểu văn bản	<p>học viên sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cơ sở khoa học của đọc hiểu tác phẩm văn chương; - Lí giải các phương pháp đọc hiểu văn chương. - Vận dụng tri thức đọc hiểu vào quá trình dạy học văn trong trường phổ thông: biết soạn giáo án và tiến hành 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		đạy học tác phẩm văn chương.			
9	Phân tích chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành	Giúp học viên thông hiểu nguyên tắc, mục tiêu và nội dung chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành. Trên cơ sở đó, học phần cũng tạo cơ hội để học viên biết cách tích hợp các phân môn bộ phận cấu tạo nên toàn bộ chương trình Ngữ văn phổ thông.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
10	Ngôn ngữ và văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Qua học phần này, học viên thông hiểu được mối quan hệ “kép” giữa ngôn ngữ (khoa học ngôn ngữ học & chất liệu/công cụ lời nói của sáng tác nghệ thuật - diễn ngôn) và văn học (nghiên cứu lí luận phê bình văn học& sáng tác tác phẩm văn chương). - Vận dụng được vốn tri thức về mối quan hệ Ngôn ngữ-Văn học vào việc dạy học ba phân môn Văn-Ngữ-Làm văn (chương trình Ngữ Văn ở PTTH) theo hướng tích hợp. Phân tích được thực tiễn dụng ngữ diễn ngôn (đọc hiểu văn bản tác phẩm văn chương và tạo lập văn bản làm văn) nói chung. - Trên cơ sở đó vươn tới tầm tự mình đánh giá và sáng tạo được các sản phẩm văn bản (nghiên cứu phê bình văn học hay nghị luận 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		xã hội) và góp phần vào việc tổ chức dạy học văn tiên tiến hiện đại			
11	Ngữ nghĩa học	Học viên nắm vững các vấn đề cơ bản của Ngữ nghĩa học và biết vận dụng lí thuyết vào phân tích nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ trong hệ thống và trong sử dụng, nhất là trong giao tiếp đời sống và trong các tác phẩm văn học.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
12	Phương pháp dạy học Văn học nâng cao	học viên được trang bị các tri thức về phương pháp dạy học các loại văn bản đọc hiểu trong chương trình (văn bản khoa học văn học và văn bản văn chương). Đặc biệt, qua học phần học viên vận dụng được các phương pháp dạy học khác nhau vào trong quá trình tổ chức tiết học Ngữ văn và vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
13	Phương pháp dạy học Làm văn nâng cao	. Xác định hoặc phân tích, vận dụng được những kiến thức chung, gồm: quan điểm dạy học tạo lập văn bản theo định hướng năng lực; cơ sở khoa học của dạy học tạo lập văn bản; quan điểm tích hợp trong dạy học làm văn; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học làm văn; xu thế quốc tế trong dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		thông.			
14	Phương pháp dạy học Tiếng Việt nâng cao	Trang bị cho học viên những nội dung lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông và giúp học viên có khả năng vận dụng những lí luận và phương pháp đó vào dạy học tiếng Việt hiệu quả ở trường phổ thông. Mặt khác, giúp học viên biết phát hiện và phát triển nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
15	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.2. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Hóa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	<p>Học phần giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.			- Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Hóa học ở	Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, tạo nguồn để đào tạo nhân tài, giáo dục phổ thông chủ yếu là bồi dưỡng năng lực tư duy	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	trường phổ thông	<p>cho học sinh. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu về môn hóa học trên cơ sở bảo đảm yêu cầu giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.</p> <p>Năng khiếu của học sinh là tố chất quan trọng nhưng mới chỉ là tiềm năng, cần phải được bồi dưỡng để phát huy thật tốt, chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, thói quen làm việc hợp tác, tự giác đóng góp xây dựng đất nước.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Dạy học thí nghiệm hóa học theo tiếp cận và phát triển năng lực	<p>Phát triển năng lực dạy học Hóa học cho học viên thông qua việc vận dụng phương pháp và và phương tiện thí nghiệm thực hành</p> <p>Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng xảy ra :</p> <ul style="list-style-type: none"> - trong quá trình sử dụng thí nghiệm ở trường phổ thông, - trong thực tiễn đời sống <p>Thông qua các bài dạy học có sử dụng thí nghiệm hóa học giúp HS hình thành và phát triển năng lực thực hành, năng lực vận dụng kiến thức, năng lực nghiên cứu khoa học,...</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thực hành thí nghiệm
9	Hóa học vô cơ trong dạy học ở	Trang bị cho học viên những kiến thức về Hoá học Vô cơ chuyên sâu hơn về phức	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	trường phổ thông	chất của các kim loại chuyển tiếp, các lý thuyết liên kết hoá học trong các phức chất, từ tính và quang phổ của chúng; phức chất cacbonyl và phức chất cơ kim, cấu tạo và khả năng phản ứng của các hợp chất vô cơ.			xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Hóa học phân tích trong dạy học ở trường phổ thông	Cung cấp cho người học các kiến thức về hóa học phân tích, các nguyên tắc, qui trình phân tích. Trên cơ sở đó người học vận dụng để giải thích một cách định tính và định lượng các quá trình hóa học. Người học được trang bị năng lực để hiểu, đánh giá hoặc đề xuất một qui trình phân tích với một đối tượng cụ thể thực tế, góp phần nâng cao kiến thức về các vấn đề của xã hội có liên quan đến hóa học và hóa học phân tích.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Dạy bài tập theo quan điểm công nghệ hóa học	Mục tiêu của học phần nhằm phát triển kiến thức, năng lực dạy học và thái độ nghề nghiệp cho học viên Cao học Sư phạm Hóa học	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học hóa học theo tiếp cận và phát triển năng lực	Học xong học phần này học viên hình thành và phát triển được các năng lực tư duy phê phán sáng tạo (có khả năng phân tích và phát triển chương trình và SGK môn hóa học), năng lực vận dụng các cơ sở lí luận về	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		PPDH vào môn hóa học, năng lực dạy học môn hóa học theo định hướng phát triển năng lực.			
13	Hóa học hữu cơ trong dạy học ở trường phổ thông	Học viên nâng cao được những kiến thức về lý thuyết cấu tạo, khả năng phản ứng của các hợp chất hữu cơ và một số cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, từ đó nắm vững và mở rộng hơn hiểu biết về hóa học hữu cơ để có thể giảng dạy với chất lượng cao hơn học phần này .	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Lịch sử hóa học	Bổ sung cho học viên những nhận thức về: Quá trình tích lũy các kiến thức hóa học trong lịch sử tiến lên của loài người. Quá trình nghiên cứu và trình bày các tư tưởng hóa học, các thành công trong công nghiệp hóa học. Sau khi kết thúc học phần Lịch sử hóa học, học viên sẽ vận dụng được kiến thức LSHH vào trong dạy học, đồng thời các kiến thức hóa học của mình được bổ sung và hệ thống hóa sâu sắc, hiểu sâu thêm về các phát minh hóa học, sẽ rút ra được nhiều kinh nghiệm thành công và thất bại trong cách suy nghĩ, cách làm việc của mình trong trong nghiên cứu hóa học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi học phần
15	Hóa lý trong	Làm cho học viên nắm được những	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	dạy học ở trường phổ thông	kiến thức cơ bản về Hóa học lượng tử để vận dụng vào các vấn đề cốt lõi của cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học một cách định lượng. Trên cơ sở các kiến thức thu được, giúp cho học viên biết giải các bài tập về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học và phương pháp phổ thông dụng để giải thích cơ chế của các quá trình hoá học và có được kỹ năng về các phương pháp tính gần đúng MO và HMO dùng trong nghiên cứu cấu trúc các hợp chất hoá học và áp dụng trong giảng dạy ở bậc PTTH.			giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.3. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Vật lí

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học	Học phần giúp học viên: <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	hiện đại	<p>cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 			<p>xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	<p>Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	<p>Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Phương pháp dạy học Vật lí hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được lý luận dạy học hiện đại vào dạy học Vật lí ở trường phổ thông. - Phân tích các con đường hình thành kiến thức vật lí ở phổ thông theo phương pháp nghiên cứu đặc trưng của vật lí học 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Cơ học lượng tử nâng cao	Xây dựng cơ học cho các hạt vi mô phi tương đối tính, bản chất lượng tử của chúng và các đặc tính hoàn toàn mới so với thế giới vĩ mô.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					môn
9	Phương tiện và công nghệ trong dạy học và nghiên cứu vật lý	Vận dụng lí luận và phương pháp dạy học vật lí ở trường phổ thông để thiết kế phương tiện và công nghệ trong nghiên cứu và dạy học vật lí, đặc biệt là thí nghiệm hiện đại trong nghiên cứu và dạy học vật lí.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Phân tích và triển khai chương trình vật lí phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình dạy học môn vật lí ở trường phổ thông. - Có hiểu biết sâu về cấu trúc chương trình vật lí phổ thông. - Phân tích được cấu trúc lôgic sự phát triển nội dung của các đề tài cơ bản thuộc chương trình Vật lí phổ thông. 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi vật lí	Phát triển năng lực giảng dạy, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí tại các trường phổ thông Chuyên hoặc các lớp Chuyên Vật lí ở trường phổ thông		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực	<p>Kết thúc học phần học viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá được vai trò, mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển hệ thống các năng lực chung, chuyên biệt cần hình thành với chương trình giáo dục, dạy học trong bối cảnh dạy học ở thế kỉ 21 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các quan điểm hiện đại về dạy học theo tiếp cận mục tiêu hướng đến hình thành năng lực, tăng khả năng ứng dụng vào thực tiễn của người học để thiết kế dạy học - Lập được kế hoạch dạy học theo tiếp cận năng lực 			
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học vật lý	Học viên phải nắm được nguyên lí và những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học vật lý, có thể áp dụng một số phương pháp nghiên cứu để thực hiện các đề tài NCKH, viết luận văn, luận án hoặc một bài báo, một công trình nghiên cứu khoa học về khoa học vật lý.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Vật lí học hiện đại	Mở rộng và phát triển kiến thức cho các học viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về vật lí học. Gợi mở những ý tưởng mới trong việc tìm hiểu và nghiên cứu thế giới vi mô trong Vật lí học.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Tiếng Anh học thuật	<p>Kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			
16	Thiên văn học nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chung, khái quát về Thiên văn và Vũ trụ, để cùng với những kiến thức ở một số học phần khác về vật lí, người học có hiểu biết đầy đủ, hệ thống về vật lí, từ vật lí vi mô đến vật lí vĩ mô. Từ đó, người học có thể khai thác kiến thức nền tảng này phục vụ việc dạy học vật lí, nâng cao được hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.4. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	<p>Học phần giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên,</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		làm khóa luận tốt nghiệp.			
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề chọn lọc của Lý thuyết số	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý thuyết số và các ứng dụng của lý thuyết số trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
8	Một số vấn đề chọn lọc trong Đại số và Giải tích hiện đại	Nhằm giúp người học nắm được những vấn đề của Giải tích và Đại số hiện đại			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
9	Phương trình sai phân và ứng dụng	Những ứng dụng của phương trình sai phân trong các ngành khoa học khác như kinh tế, tâm lý, môi trường, v.v... Học phần tập trung vào nghiên cứu những mô hình toán học cụ thể ứng dụng trong thực tế.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Bất đẳng thức và ứng dụng	Học viên được trang bị kiến thức nền tảng cơ bản, các phương pháp giải toán bất đẳng thức và có khả năng ứng dụng bất đẳng thức giải quyết vấn đề liên quan trong chương trình trung học phổ thông. Từ đó nâng cao năng lực giải toán, khả năng nghiên cứu, giảng dạy nội dung về bất đẳng thức và những lĩnh vực khác trong toán học		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Tiếng Anh học thuật	<p>Kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			
12	Toán rời rạc	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lĩnh vực toán rời rạc và các ứng dụng của toán rời rạc trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Wavelets: Lý thuyết và ứng dụng	Nhằm giúp người học lĩnh hội được một học phần mang tính thời sự, có nhiều ứng dụng		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Phát triển tư duy sáng tạo và phê phán trong dạy học Toán	Cung cấp cho học viên những hiểu biết cơ bản và cần thiết về tư duy phê phán và tư duy sáng tạo của người học toán và quá trình dạy học toán nhằm phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho mỗi cá nhân người học trong một lớp học với nhiều trình độ nhận thức khác nhau nhằm tạo nên một "lớp học tư duy" trong đó mỗi cá nhân người học đều thực sự tư duy.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
15	Phương pháp dạy học môn Toán	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên được cung cấp một số vấn đề về trong dạy học Toán như hiểu biết Toán học, phát triển tư duy trong dạy học Toán, các thuyết và tiếp cận trong dạy học Toán, ứng dụng CNTT trong dạy học Toán; - Vận dụng để phân tích các học liệu dạy học như chương trình, sách giáo khoa, giáo án, sản phẩm của học sinh; - Nghiên cứu, thiết kế và thử nghiệm một số tài liệu dưới dạng dự án nhằm nâng cao chất lượng dạy học Toán như phát triển hiểu biết Toán học và tư duy trong dạy học Toán, vận dụng các thuyết dạy học tích cực trong dạy học Toán. 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
16	Phương trình hàm và ứng dụng	Học viên hiểu được những bài toán cơ bản của phương trình hàm, nghiệm của chúng, và những vấn đề ứng dụng khác liên quan đến những hàm số sơ cấp.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.5. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	<p>Học phần giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.			- Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Sinh học động vật và người	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tiên tiến nhất về cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động của các tổ chức,	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		hệ cơ quan trong cơ thể sống. Hình thành thế giới quan khoa học về sự tương hợp giữa cấu tạo và chức năng cũng như tính thống nhất của tất cả các hệ cơ quan trong cơ thể động vật bậc cao và người. Từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Sinh học phát triển động vật	Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về các giai đoạn phát triển của cơ thể sinh vật ở nhiều mức độ khác nhau: phân tử, tế bào sinh dục, hợp tử, phôi thai, trưởng thành, già hoá. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lão hoá, cơ chế chống đỡ bệnh tật. Các biện pháp phòng, chống bệnh của cơ thể sống.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
9	Cơ sở di truyền và tiến hóa	Khi học chuyên đề này học viên phải giải đáp được các vấn đề về cơ sở vật chất cùng các cơ chế di truyền và biến dị ở các cấp độ tổ chức sống cũng như sự tiến hóa của sinh giới.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học sinh học	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tổng quan về các khái niệm cơ bản, ý nghĩa, mục đích cũng như các hình thức nghiên cứu khoa học sinh học. Đồng thời có kỹ năng phân tích để lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tiêu và hướng nghiên cứu cụ thể, có kỹ năng tiến hành một nghiên cứu khoa học sinh học theo đúng quy trình.			
11	Sinh thái học môi trường	Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về sinh thái học môi trường. Trên cơ sở đó, chuyển biến tích cực về nhận thức và thái độ trong việc bảo vệ môi trường.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Câu hỏi và bài tập trong dạy học sinh học	Rèn luyện cho học viên cách đặt và sử dụng câu hỏi, bài tập vào các mục đích dạy học học phần Sinh học ở trường phổ thông.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
13	Phương pháp dạy học Sinh học	Giải thích cơ sở lí thuyết của mục tiêu dạy học sinh học, nội dung dạy học sinh học, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức để dạy học sinh học phát triển năng lực người họcđặc biệt là năng lực học tập.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
14	Hóa sinh nâng cao	Đề cương học phần này giúp học viên hiểu rõ hơn về kiến thức chuyên sâu và các vấn đề cốt lõi của hóa sinh. Giúp học viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận với các kỹ thuật hóa sinh và sinh	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học phân tử từ cơ bản đến hiện đại. Từ đó giúp học viên thiết kế, bố trí và thực hiện các thí nghiệm hóa sinh để thu được kết quả đáng tin cậy, và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của học viên.			môn
15	Sinh học thực vật	Củng cố, nắm vững và nâng cao các kiến thức cơ bản, cập nhật của học phần để vận dụng vào việc thực hiện Luận văn Thạc sĩ, đồng thời chuẩn bị cho việc thực hiện tiếp tục Luận án Tiến sĩ và mục tiêu quan trọng nữa là, sau khi hoàn thành tốt học phần, giáo viên THPT sẽ giảng dạy tốt hơn phần Sinh học tế bào và Sinh học cơ thể thực vật ở các trường THPT, kể cả các trường Chuyên.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

3.6. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	<p>Học phần giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên,</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		làm khóa luận tốt nghiệp.			
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề của Lịch sử Việt Nam	Sau khi học xong chuyên đề này, học viên có được những tri thức về một số vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ khởi nguồn đến hiện tại; vận dụng được vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu kết hợp giáo dục tri thức khoa học lịch sử và giáo dục tư tưởng chính trị, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.			
8	Một số vấn đề của Lịch sử thế giới	Trên cơ sở kiến thức chung về lịch sử thế giới, học phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản có tính chất tiêu biểu của lịch sử thế giới từ thời cổ trung đại đến cận hiện đại. Từ đó, rút ra cách nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề cơ bản của lịch sử phương Tây, phương Đông thời cổ trung đại và lịch sử thế giới thời cận hiện đại.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
9	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông, các thành tố, vai trò của các thành tố đó trong việc nâng cao chất lượng dạy học lịch sử hiện nay ở trường phổ thông; hệ thống các phương pháp dạy học truyền thống, hiện đại và khả năng vận dụng trong thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, học viên có khả năng vận dụng Lý luận bộ môn để nghiên cứu những vấn đề mà thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông đặt ra; hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
10	Phương tiện và công nghệ dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về mục tiêu của học phần vai trò của phương tiện công nghệ trong quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông; các tiêu chí để lựa chọn PTCN phù hợp, những tiện ích của PTCN ứng dụng trong dạy học môn Lịch sử một cách hiệu quả. Từ đó học viên có khả năng sử dụng PTCN trong thiết kế, triển khai bài dạy/chủ đề theo hướng dạy học tích cực, có ý thức đổi mới PPDH theo hướng tích cực áp dụng PTCN mới, phù hợp, hiệu quả.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	Học xong học phần này, học viên hiểu được vai trò, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu, các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; biết xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận theo mục tiêu, nội dung chương trình học phần Lịch sử, từ đó thực hành xây dựng đề kiểm tra theo ma trận trong dạy học Lịch sử ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học sinh; biết và hiểu được cách thức xây dựng các công cụ hỗ trợ học sinh tự học và tự kiểm tra, đánh giá; qua đó hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		cực, vận dụng sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp đặc trưng môn Lịch sử.			
12	Phân tích chương trình, sách giáo khoa Lịch sử phổ thông hiện hành	Học viên có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK môn Lịch sử của một số nước trên thế giới, những ưu điểm có thể vận dụng cho xây dựng chương trình của Việt Nam. Trên cơ sở có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông, học viên phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất cho việc thực thi chương trình, SGK hiện hành, xây dựng được chương trình/kế hoạch phù hợp điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia).	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông: dạy học trên lớp, ngoài lớp học và hoạt động ngoại khóa; vận dụng quy trình chuẩn bị, lập và triển khai kế hoạch dạy học phù hợp từng hình thức tổ chức dạy học; thực hành cách thức đánh giá cải tiến kế hoạch dạy học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
14	Hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh phổ thông	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc về con đường hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của quá trình dạy học, đặc điểm của kiến thức lịch sử, mối quan hệ giữa các yếu tố trong con đường hình thành kiến thức lịch sử, học viên xác định được các biện pháp hình thành kiến thức lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh phổ thông	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc vấn đề phát triển năng lực tự học cho học sinh trong quá trình dạy học bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của tự học, các biểu hiện của năng lực tự học lịch sử, vai trò, ý nghĩa của tự học, học viên xác định được các hình thức, biện pháp phát triển năng lực tự học lịch sử cho học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.			

3.7. Ngành thạc sĩ Quản lý Giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tâm lý ứng dụng trong quản lý giáo dục (Hành vi, Nhóm và Hoạt động nhóm).	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
3.	Lý luận quản lý giáo dục	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

4.	Quản lý văn hóa nhà trường	<p>Hiểu về văn hóa (Khái niệm, các thành tố, các loại hình văn hóa và các tầng khác nhau của văn hóa, hiểu về một nhà trường có môi trường và truyền thống văn hóa tốt, thành công); biết nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường; chuẩn bị cho nhà quản lý những công cụ tác động tới chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
5.	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	<p>Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục (theo tiếp cận vi mô và vĩ mô), đồng thời người học có khả năng phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục, trên cơ sở đó có được những đóng góp nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
6.	Quản lý chất lượng trong giáo dục	<p>Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng trong giáo dục nói riêng, phân biệt được phương thức quản</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		lí chất lượng với phương thức quản lí truyền thống, vận dụng xây dựng hệ thống quản lí chất lượng tại cơ sở, tham gia quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục.			
7.	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục; - Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý: từ việc xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; tham mưu - lãnh đạo - chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng, quản lý cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị; - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất – thiết bị, đồng thời có ý thức đúng đắn cho việc định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục ở nhà trường hoặc cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là Nhà trường). 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
8.	Quản lý tài chính trong giáo dục	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến thức đã học vào việc quản lý cũng	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính trong trường học; đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của cơ chế tài cơ chế quản lý tài chính giáo dục ở Việt Nam hiện nay.			
9.	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	Học xong chuyên đề HV có thể: - Nhận diện các thay đổi đang diễn ra ở một nhà trường; - Xác định được các bước của thay đổi và nhân tố chủ yếu ảnh hưởng lên sự thay đổi; - Phân tích được bối cảnh của thay đổi và xác định được biện pháp thích hợp để thay đổi: Vận dụng vào “thay đổi cụ thể”; - Mô tả, phân tích và đánh giá được các chiến lược (giải pháp) thay đổi và kết quả thực sự của nó: Giải được các bài tập vận dụng;	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Sự phát triển của các quan điểm giáo dục hiện đại	Trang bị cho người học về sự hình thành và phát triển các tư tưởng, các lý thuyết giáo dục hiện đại, từ đó có cơ sở vững chắc tiếp cận với các tư tưởng và các lý thuyết quản lý giáo dục, vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			Bài thi hết môn 60%
12.	Xây dựng sứ mệnh và quản lý chiến lược	Học viên phân tích được nội dung các bước lập kế hoạch chiến lược và các công việc quản lý chiến lược. Sau khóa học, học viên có các kỹ năng lập kế chiến lược, xây dựng viễn cảnh cho nhà trường và thực hiện kế hoạch chiến lược cùng với các thành viên của nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Trắc nghiệm 20% Bài tập 50% Biểu hiện của học viên 30%
13.	Phân hóa và bình đẳng xã hội trong giáo dục	Trang bị kiến thức khoa học và hình thành năng lực phân tích tình hình bình đẳng xã hội trong giáo dục để có thể phát hiện ra những vấn đề bất bình đẳng xã hội trong giáo dục và đề xuất giải pháp thực hiện công bằng xã hội và bình đẳng xã hội trong giáo dục ở Việt Nam.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
14.	Giáo dục so	Kết thúc học phần này, người học hiểu	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	sánh	có hệ thống các kiến thức cơ bản, hiện đại về nội dung của môn Giáo dục so sánh, bao gồm các khái niệm, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng, các hướng dẫn về nguyên tắc, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật so sánh giáo dục và hiểu được thành tựu và kinh nghiệm phát triển giáo dục và đào tạo của một số nước có quan hệ với nước ta; Có khả năng đề xuất một đề tài nghiên cứu so sánh giáo dục trong một phạm vi quốc tế (so sánh một hoặc vài nước ngoài với nước ta) hoặc quốc nội (một nơi trong nước với nơi mình, hoặc là địa phương như vùng miền, tỉnh, huyện ..., hoặc là trường cùng loại hình và cấp bậc) và chứng tỏ có khả năng giải quyết vấn đề của đề tài với phạm vi nội dung thích hợp và phù hợp với mục đích, nguyên tắc phương pháp và kỹ thuật của môn Giáo dục so sánh. Hình thành và phát triển các phẩm chất của một nhà giáo, một chuyên gia quản lý giáo dục nắm vững môn Giáo dục so sánh (khách quan, trung thực, chính xác, trách nhiệm, khoa học...)			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
15.	Quản lý hệ thống giáo dục	Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về hệ thống giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

	quốc dân và quản lý nhà trường	quốc dân, chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, nội dung quản lý và các đặc điểm trong quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và quản lý nhà trường, đồng thời người học có khả năng phân tích đánh giá thực trạng hoạt động quản lý HTGDQD, quản lý nhà trường, trên cơ sở đó, có những đóng góp nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống GDQD, hệ thống bộ máy quản lý giáo dục và quản lý nhà trường.			Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
16.	Quản lý quá trình dạy học trong nhà trường	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được khái niệm quản lý như chức năng quản lý, phương pháp quản lý; quản lý giáo dục, quản lý nhà trường, hoạt động dạy học như hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh, sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học và quá trình quản lý hoạt động dạy học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về xây dựng và quản lý dự án giáo dục, nắm vững quy trình quản lý dự án giáo dục, vận dụng kiến thức đã học để quản lý một dự án đầu tư cho giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Lý luận quản lý	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục,	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

		biết ứng xử phù hợp với thực tiễn giáo dục.			Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
19.	Phát triển chương trình giáo dục	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục, các thành tố của chương trình và mối quan hệ qua lại, chi phối nhau của các thành tố đó. Học phần phân tích các bước của chu trình phát triển chương trình giáo dục, trong đó nhấn mạnh khâu phân tích nhu cầu (need analysis) làm cơ sở để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

3.8. Thạc sĩ Quản trị trường học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.			
3.	Lý thuyết đo lường và đánh giá	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
4.	Thiết kế điều tra khảo sát và công cụ đánh giá	Cung cấp cho học viên phương pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
5.	Lý thuyết hỏi đáp và ứng	Trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về lý thuyết hỏi đáp (IRT), các	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

	dụng phần mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	<p>khái niệm, mô hình toán học và đặc trưng của lý thuyết; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình đánh giá.</p> <p>Trang bị cho các học viên một số kỹ năng cơ bản để vận dụng vào phân tích xử lý dữ liệu kết quả đánh giá bằng một số phần mềm chuyên dụng.</p>			<p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
6.	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	<p>Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portfolio. Sử dụng các loại đề thi</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 30%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.			
7.	Phát triển năng lực đánh giá	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
8.	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng lực tư vấn, tham gia hay giám sát các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

9.	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Đo lường năng lực cảm xúc và sáng tạo	Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ); Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%

		CQ; Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống.			
12.	Đo lường nhân cách	Hiểu những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách: Hiểu rõ bản chất của các lý thuyết về nhân cách trong tâm lý học phương tây; Hiểu rõ được các lý luận về nhân cách trong tâm lý học xô viết; Hiểu rõ được những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu nhân cách; Hiểu rõ được các phương pháp nghiên cứu nhân cách; Nắm vững bản chất tâm lý của một số trắc nghiệm đo lường nhân cách; Các kỹ thuật đo lường tính cách; Nhìn nhận vấn đề nhân cách dưới học độ khoa học, được kiểm nghiệm bằng trắc nghiệm và khách quan.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%
13.	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		<p>ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.</p>			
14.	Các phương pháp nghiên cứu định tính	<p>Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>
15.	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo	<p>Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%</p>

		liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
16.	Kỹ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kỹ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kỹ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	Học viên có hiểu biết về chức năng, thao tác cơ bản trên các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Giữa kỳ, bài trình bày 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

		bậc trung học, kỳ thi PISA.			
19.	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
20.	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
21.	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		<p>đương B1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			
22.	Tâm lý học giáo dục	<p>Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 210%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
23.	Lý luận quản lý giáo dục	<p>Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

3.9. Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
2.	Tâm bệnh học	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về tiêu chuẩn chẩn đoán hiện tại cho bệnh nhân tâm thần, các lý thuyết liên quan đến bệnh tâm thần, từ đó giúp học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
3.	Định hình trường hợp tâm lý	Học phần giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của họ trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		<p>gặp phải những khó khăn tâm lý, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khoẻ tâm thần. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý đồng thời có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ cải thiện tình hình.</p>			
4.	Điều trị các vấn đề hướng nội	<p>Học phần này cung cấp cho học viên hiểu và phân tích được cơ chế hình thành các rối loạn hướng nội, các kỹ thuật trị liệu dựa trên thực chứng cho các vấn đề hướng nội; Thực hành các kỹ thuật trị liệu các vấn đề hướng nội; Áp dụng các kỹ thuật này để trị liệu cho một trường hợp cụ thể.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%</p>
5.	Điều trị các vấn đề hướng ngoại	<p>Hiểu được nội hàm các vấn đề hướng ngoại; Biết được các mô hình can thiệp có hiệu quả dựa trên bằng chứng cho các vấn đề hướng ngoại; Biết nguyên lý chung của can thiệp</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%</p>

		<p>hành vi; Hiểu được quy trình và các cấu phần cơ bản trong chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ; Hiểu được triết lý can thiệp mà chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ sử dụng. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn tâm lý giáo dục cho cha mẹ, lôi kéo sự tham gia của cha mẹ vào các nội dung can thiệp; Thực hiện được các phiên trị liệu hướng dẫn kỹ năng (thời gian chơi đặc biệt, khen, thưởng, phớt lờ chủ động, chỉ dẫn hiệu quả, phạt khoảng lặng, quản lý hành vi ngoài gia đình...) cho cha mẹ; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu</p>			
6.	Lý thuyết trị liệu tâm lý	<p>Học phần học viên hiểu vai trò định hướng của lý thuyết trị liệu cho thực hành can thiệp. Học viên sẽ được giới thiệu các lý thuyết trị liệu tâm lý chính và tìm hiểu các nguyên</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%</p>

		tắc đạo đức quan trọng của trị liệu tâm lý.			
7.	Tiếng Anh học thuật	<p>Kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
8.	Các lý thuyết phát triển con người	<p>Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		<p>ngiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.</p>			
9.	<p>Thống kê trong khoa học xã hội</p>	<p>Học viên hiểu được kiến thức về thống kê và có khả năng vận dụng, thực hành các test thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
10.	<p>Đánh giá và chẩn đoán tâm lý</p>	<p>Học phần giúp cho học viên hiểu được sự quy trình và các bước thực hiện đánh giá tâm lý một cách toàn diện. Học viên ứng dụng những kiến thức được học trong học phần này để đánh giá tâm lý toàn diện một trường hợp lâm sàng cụ thể.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
11.	<p>Tâm lý học giáo dục</p>	<p>Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

12.	Tâm lý học xuyên văn hóa	<p>Học phần này cung cấp cho học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
13.	Can thiệp học đường	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò của cán bộ tâm lý lâm sàng trong nhà trường - Hiểu được các chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần dựa vào trường học - Có kỹ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
14.	Trị liệu dược lý	<ul style="list-style-type: none"> - Khi học xong học phần, học viên nắm được kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động cơ bản của não bộ, cụ thể là các cơ chế sinh lý – thần kinh. - Học viên nắm được tên các loại thuốc cơ bản và thường gặp trong điều trị các bệnh tâm thần, bao gồm thành phần của thuốc, chỉ định và chống chỉ định. - Từ kiến thức này, học viên có 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		khả năng tư vấn cho gia đình về việc sử dụng thuốc và điều chỉnh kế hoạch can thiệp, điều trị phù hợp với việc dùng thuốc.			
15.	Rối loạn học tập	Học phần này cung cấp những kiến thức về rối loạn học tập như khái niệm, triệu chứng, nguyên nhân, cách can thiệp cho học sinh rối loạn học tập, giới thiệu và phân tích các mô hình lý thuyết để giải thích rối loạn học tập. Từ đó, học viên được trang bị kiến thức căn bản và có kỹ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh có rối loạn học tập.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
16.	Đánh giá và can thiệp tự kỷ	Khi học xong học phần, học viên nắm được các kiến thức tổng quát về tự kỷ/rối loạn phổ tự kỷ, hình thành các kỹ năng đánh giá, chẩn đoán, sàng lọc và can thiệp và có khả năng vận dụng, thực hành trong từng vấn đề, từng trường hợp trẻ bị tự kỷ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Can thiệp các rối loạn nghiện	Học phần này cung cấp cho học viên các thông tin cập nhật và các	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		kiến thức ứng dụng trong vấn đề rối loạn nghiện, giúp học viên hiểu bản chất và các loại rối loạn nghiện, nguyên nhân cũng như cơ chế của hành vi nghiện. Học viên sẽ học cách đánh giá, chẩn đoán, lên kế hoạch can thiệp và hợp tác với các cán bộ chuyên môn khác trong phòng ngừa và trị liệu rối loạn nghiện.			Bài thi hết môn 60%
18.	Can thiệp rối loạn stress sau sang chấn	Học phần giúp học viên phát triển những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện những ảnh hưởng của chấn thương tâm lý đối với trẻ em cũng như những yếu tố nguy cơ làm vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Học viên sẽ được trang bị những công cụ đánh giá và kỹ thuật can thiệp cụ thể cho đối tượng trẻ em và vị thành niên bị rối loạn stress sau sang chấn.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%

3.10. Thạc sĩ Tham vấn học đường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	-------------------------------

1	Các lý thuyết hiện đại trong tham vấn học đường	<p>Học phần này để mở đầu và định hướng việc học tập của HV đối với toàn bộ CTĐT và làm nền tảng cho những học phần tiếp sau; Giúp học viên biết khái quát định hướng nghiên cứu ngành nghề của TVHD và các hoạt động liên quan, cũng như các yêu cầu đối với việc nghiên cứu, tham gia hoạt động TVHD</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
	Sự phát triển & Tính đa dạng của con người	<p>Học phần này giúp khám phá, tìm hiểu về các vấn đề <i>đa dạng trong phát triển người</i>, bao gồm các tác động của giới tính, tình trạng kinh tế- xã hội, và văn hóa trong sự phát triển người nói chung, người học nói riêng.</p> <p>Học viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về cách thức mà các yếu tố này tương tác với các đặc tính sinh học, tâm lý và văn hóa trong việc thúc đẩy, hoặc cản trở sự khỏe mạnh và thành công ở trường học. Từ đó, định hướng việc áp dụng kiến thức <i>tính đa dạng trong phát triển người</i> trong TVHD (hướng dẫn, đánh giá và can thiệp) phù hợp với đặc trưng văn hóa, điều kiện KT-XH.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

2	Nhận diện và đánh giá những khó khăn của học sinh	<p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của họ trong việc nhận diện, đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn như thế nào. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý để đưa ra định hình toàn diện về trường hợp, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ cải thiện tình hình. Học viên sẽ được giới thiệu về các bước trong quy trình đánh giá cũng như thực hành quy trình đánh giá trên lớp</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%</p>
3	Đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn học đường	<p>Học phần này giới thiệu những đặc điểm, vai trò và chức năng của nhân viên tham vấn chuyên nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các vấn đề pháp lý, đạo đức, và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Mục tiêu của khóa học này là để giải thích các chuẩn về mặt đạo đức, luật pháp và các vấn đề chuyên môn có liên quan. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về các chương trình và</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>

		<p>địch vụ tham vấn chuyên nghiệp, giúp học viên làm việc hàng ngày trong tương lai với tư cách là chuyên viên tham vấn chuyên nghiệp và sẽ có cơ sở cho việc ra quyết định và có kỹ năng tham vấn khi gặp phải những vấn đề về đạo đức.</p>			
4	<p>Kỹ năng tham vấn cá nhân & xây dựng trường hợp</p>	<p>Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của người học trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn trong học tập, nhận thức, hành vi - cảm xúc, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khoẻ tâm thần. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của học sinh, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý – tham vấn, có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ và có kỹ năng tham vấn cá nhân giúp cải thiện tình hình cho thân chủ.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>
5	<p>Lý thuyết và thực hành tham vấn</p>	<p>Mục đích của học phần này là giới thiệu cho học viên về lý thuyết và</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p>

	nhóm	thực hành tham vấn nhóm. Đây là một kỹ năng và nội dung học phần được thiết kế để giúp học viên có được những kiến thức ban đầu và kỹ năng để thực hiện tham vấn nhóm.			Bài thi hết môn 60%
6	Phương pháp nghiên cứu trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu tham vấn học đường, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ. Đồng thời, học viên có khả năng đọc và đánh giá các nghiên cứu định tính và định lượng cụ thể liên quan đến tham vấn học đường. Học viên hiểu được kiến thức về phân tích thống kê và giải thích dữ liệu trong nghiên cứu cũng như có khả năng đánh giá nghiên cứu theo hướng lâm sàng về các vấn đề liên quan đạo đức.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
7	Tham vấn học đường dựa trên nền tảng công nghệ và truyền	Sau khi học xong học phần này, học viên có kiến thức về các công cụ công nghệ và truyền thống, cũng như xu hướng ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực tham vấn, trong đó có tham vấn học đường. Đồng thời, qua học phần	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		này, học viên được kỳ vọng sẽ có khả năng ứng dụng công nghệ và truyền thông, hỗ trợ trong quá trình thực hành.			
8	Các lý thuyết về nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy.	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của các lý thuyết tâm lý học về nhận thức và phát triển tâm lý người, lý luận về động cơ, động lực thúc đẩy con người thành công, các vấn đề cơ bản về hoạt động học tập của người học, động cơ và hứng thú học tập. Học viên có thể áp dụng các lý thuyết nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy vào trong công tác tham vấn học đường trong trường học hiệu quả.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
9	Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp	Học phần này cung cấp kiến thức về các lĩnh vực phát triển tham vấn hướng nghiệp, giúp học viên khám phá các lý thuyết khác nhau của sự phát triển nghề nghiệp và nghiên cứu cách thức áp dụng các lý thuyết này đối với trẻ em và thanh niên, kể cả nhóm khuyết tật. Học phần này đặc biệt nhấn mạnh việc áp dụng những lý thuyết và thực hành về tham vấn hướng nghiệp,	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		bao gồm cả các hoạt động quan trọng như việc phân tích công việc và ra quyết định, đánh giá năng lực nghề, phát triển nghề cho cá nhân, kỹ năng tìm việc làm,...			
10	Công tác xã hội học đường: Phối hợp gia đình- nhà trường - cộng đồng	<p>Học phần này giúp người học hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của một nhân viên làm công tác xã hội trong học đường bao gồm nền tảng lý thuyết cơ bản áp dụng trong CTXH học đường, cách làm việc với cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế liên quan đến trường học và các nguồn lực cơ bản để hỗ trợ những cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế.</p> <p>Học viên sẽ được hướng dẫn những công việc phải làm của một NVXH trong học đường, tiến trình can thiệp cá nhân, nhóm, cộng đồng thân chủ liên quan đến học đường. Để hỗ trợ tốt nhất cho thân chủ, NVXH học đường còn phải có năng lực kết nối nguồn lực giữa gia đình- nhà trường và cộng đồng.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
11	Can thiệp các vấn đề hướng ngoại và	Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p>

	hướng nội	năng cơ bản để tham vấn can thiệp các vấn đề hướng ngoại (gồm vi chống đối, hành vi hung hăng và sự phạm tội) cũng như các vấn đề hướng nội (gồm lo âu, trầm cảm và rối loạn dạng cơ thể). Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng ngoại gồm (a) Đào tạo cha mẹ; (b) Các kĩ năng xã hội và rèn các qui định đối với trẻ. Môn học này liên quan đến việc xây dựng những hướng dẫn điều trị. Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng nội gồm (a) Can thiệp hành vi như hoạt hoá hành vi; giáo dục tâm lý xã hội, xây dựng hệ thống thưởng quy đổi; (b) Can thiệp nhận thức như rèn luyện tránh tái phạm, nhận diện các suy nghĩ không hợp lý; (c) Các kĩ thuật chính niệm (mindfulness).			Bài thi hết môn 60%
12	Tư vấn trong trường học	Sau khi học xong học phần này, học viên có những kiến thức cơ bản về cơ cấu, tổ chức tham vấn học đường trong trường học. Học viên nắm vững các nguyên tắc tư vấn thông qua các bài giảng hàng tuần và được thực hành các kỹ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		năng tham vấn. Phát triển kiến thức và bắt đầu phát triển kỹ năng trong giải quyết các vấn đề trường học, giảng dạy và can thiệp			
13	Tham vấn trẻ em và vị thành niên trong trường học.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản trong việc đánh giá và xây dựng chương trình tham vấn cho trẻ em và vị thành niên trong trường học. Hiểu được nguyên nhân, các yếu tố tác động đến hành vi và quá trình phát triển của trẻ. Nắm được các thành tố ảnh hưởng đến chất lượng tham vấn đối với trẻ em và vị thành niên. Áp dụng những kiến thức đã học được vào môi trường học đường.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
14	Giám sát trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ về một số lý thuyết và mô hình giám sát trong tham vấn học đường đã được công nhận. Học phần này cung cấp nền tảng và khuôn khổ cho việc áp dụng các phương pháp giám sát, cho phép người tham gia áp dụng các phương pháp với độ chính xác và	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		sự hiểu biết cao hơn			
15	Phòng ngừa và can thiệp khủng hoảng	<p>Học phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng phòng ngừa và can thiệp các dạng khủng hoảng thường gặp cho học sinh và gia đình dựa trên cơ sở các lý thuyết và bằng chứng nghiên cứu khoa học.</p> <p>Đặc biệt, học phần sẽ tập trung sâu vào hướng dẫn kỹ năng làm việc với người có hành vi tự sát và những vấn đề nóng của môi trường học đường hiện nay.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 30%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
16	Giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt trong trường học.	<p>Sau khi học xong học phần này, học viên hiểu được thế nào là giáo dục hòa nhập, giáo dục hội nhập và giáo dục đặc biệt. Học viên có kiến thức và kỹ năng để làm việc với các nhu cầu đa dạng của học sinh. Đồng thời, mục tiêu của học phần còn là nâng cao nhận thức của học viên về các hoạt động giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt. Học viên qua đó cũng hiểu và có kỹ năng để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học sinh và cộng đồng nói chung, thúc đẩy sự phát triển của giáo dục hòa nhập, tăng khả năng tham gia hòa nhập của học sinh.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 30%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

17	Cố vấn học tập ở trường đại học, cao đẳng	Học phần này dành riêng cho nhóm học viên có nhu cầu, hoặc vị trí công tác liên quan đến Cố vấn học tập (CVHT) trong các cơ sở giáo dục đại học như là sự lựa chọn chuyên ngành sâu. Giúp học viên đi sâu vào tìm hiểu và vận dụng các tri thức, kỹ năng năng TVHĐ vào hoạt động CVHT và cung cấp bổ xung tri thức, kỹ năng đặc thù về hoạt động tham vấn ở trường ĐH, CĐ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
18	Tâm trắc học trong tham vấn học đường	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về khoa học đo lường tâm trắc áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và tham vấn tâm lý. Học phần sẽ cung cấp các khái niệm cơ bản về đánh giá các cấu trúc tâm lý; các thuật ngữ gắn liền với trắc nghiệm chuẩn hóa và không chuẩn hóa; các kỹ thuật đánh giá và các khái niệm tâm trắc cơ bản như các hệ số điểm chuẩn, độ tin cậy, độ hiệu lực, lý thuyết đo lường đánh giá hiện đại, lý thuyết hỏi đáp và sự ảnh hưởng của lý thuyết này đến việc đánh giá sự	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		khác biệt cá nhân. Học phần cũng sẽ đề cập đến ảnh hưởng của yếu tố văn hóa, thích nghi văn hóa và vấn đề đạo đức trong đánh giá.			
19	Phát triển và đánh giá chương trình tham vấn học đường	Giúp HV có đủ kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý thuyết phát triển và đánh giá chương trình giáo dục và những định hướng vận dụng trong chuyên ngành tham vấn học đường (TVHĐ). Hình thành cho người học những kỹ năng xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo/ bồi dưỡng/ vận dụng để phát triển, đánh giá một chương trình môn học trong thực tiễn hoạt động TVHĐ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
20	Tiếng Anh học thuật	Sau khi học học phần này, học viên có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành tâm lý nói chung và tham vấn học đường nói riêng. Học viên có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường và có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn. Ngoài ra, học viên có thể trình	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.			
21	Thực tập 1	<p>Môn học nhằm cung cấp cho HV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiến hành những hoạt động TVHD cụ thể trong nhận diện khó khăn, đánh giá, thực hiện tham vấn cho thanh, thiếu niên trong trường học.</p> <p>Học viên sẽ thực hiện tối thiểu 150 giờ giám sát chặt chẽ việc thực hiện đánh giá và can thiệp các vấn đề sức khỏe tâm thần. Học viên và giám sát viên sẽ gặp gỡ hàng tuần để phản ánh và thảo luận về kinh nghiệm. Học viên cũng sẽ giữ một bản ghi của tất cả các hoạt động thực địa và nộp báo cáo hàng tuần phản ánh về kinh nghiệm thu được</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập nhóm 40%</p> <p>Bài tập kết thúc học phần 60%</p>
22	Thực hành 2	Mục tiêu chính của việc thực tập tại các trường phổ thông là cung cấp cho học viên TVHD những trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp TVHD với đối tượng là học sinh phổ thông để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		<p>các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho GV, phụ huynh, các lực lượng cộng đồng tham gia giáo dục. Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHD chuyên nghiệp.</p>			
23	Thực hành 2	<p>Mục tiêu chính của việc thực tập tại các đơn vị, tổ chức (không phải trường phổ thông) nhằm cung cấp cho học viên TVHD những trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp TVHD tại cơ sở thực hành, để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho học viên, sinh viên, các tổ chức xã hội tham gia TVHD, những vấn đề nghiên cứu</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%</p>

		<p>khoa học và quản lý hoạt động TVHĐ .</p> <p>Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHĐ chuyên nghiệp</p>			
--	--	--	--	--	--

3.11. Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, giữa kỳ 20%</p> <p>Thi hết môn 70%</p>
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, giữa kỳ 30%</p> <p>Thi hết môn 60%</p>
3	Lý thuyết đo	Trang bị cho người học năng lực sử	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10%

	lường và đánh giá	dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục			Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
4	Thiết kế điều tra khảo sát và công cụ đánh giá	Cung cấp cho học viên phương pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 60%
5	Lý thuyết hỏi đáp và ứng dụng phần		3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học của lý thuyết hồi đáp, những kiến thức nền tảng về cơ chế phản ứng (hay trả lời) của con người trước một câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ được giao; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình đánh giá, những hiểu biết cơ bản về mô hình Rasch trong đo lường và kiểm tra, ứng dụng; việc ứng dụng mô hình Rasch vào phân tích các kết quả đo lường và đánh giá trong giáo dục nói riêng và trong khoa học và xã hội nói chung.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
6	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 30% Thi hết môn 60%

		<p>thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portfolio. Sử dụng các loại đề thi standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.</p>			
7	Phát triển năng lực đánh giá	<p>Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 20% Bài tập nhóm 20% Thi hết môn 60%</p>

		nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
8	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng lực tư vấn, tham gia hay giám sát các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
9	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
10	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.			
11	Đo lường năng lực cảm xúc và sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ) - Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo CQ - Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống 	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, giữa kỳ 20%</p> <p>Thi hết môn 70%</p>
12	Đo lường nhân cách	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách - Các kỹ thuật đo lường tính cách 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

13	Các phương pháp nghiên cứu định tính	Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
14	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
15	Kỹ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kỹ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kỹ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%

		trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.			
16	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	Học viên có hiểu biết về chức năng, thao tác cơ bản trên các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%
17	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục	Trang bị cho người học năng lực phát triển và đánh giá chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục đào tạo để góp nâng cao chất lượng chương trình giáo dục đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.			Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
18	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

		bậc trung học, kỳ thi PISA.			
19	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
20	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
21	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói,	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

		<p>đọc, viết ở mức độ cơ bản (trương đương B1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học -Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			<p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
22	Tâm lý học giáo dục	<p>Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 20%</p> <p>Bài giữa môn, bài trình bày 20%</p> <p>Thi hết môn 60%</p>
23	Lý luận quản lý	Trang bị cho người học nền lý luận	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	giáo dục	vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
--	----------	--	--	--	--

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn trong năm 2021

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Tác giả
1.	Bộ đề Luyện thi THPT Quốc Ngữ văn vào lớp 10 của một số trường Chuyên và trường Chất lượng cao	2021	Lê Thị Tâm Hào, Phạm Thị Thu Hiền, Cao Thị Thúy Hòa, Đặng Ngọc Khương
2.	Ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn	2021	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên), Đỗ Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Nguyệt, Nguyễn Thị Phương Thanh
3.	Bài tập Ngữ văn 6 (Tập 1)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc
4.	Bài tập Ngữ văn 6 (Tập 2)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Văn Toàn
5.	Ngữ văn 6 (Tập 1)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn
6.	Ngữ văn 6 (Tập 2)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Trần Văn Toàn
7.	Ngữ văn 6 - Sách giáo viên (Tập 1)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn

8.	Ngữ văn 6 - Sách giáo viên (Tập 2)	2021	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Văn Toàn
9.	Bài tập phát triển năng lực Ngữ văn 6 (Tập 1, Tập 2)	2021	Phạm Thị Thu Hiền (chủ biên), Bùi Minh Đức, Đỗ Thu Hà
10.	Bài tập đọc hiểu Ngữ văn 6 (Tập 1, Tập 2)	2021	Phạm Thị Thu Hiền (chủ biên), Bùi Minh Đức, Đỗ Thu Hà, Đỗ Ngọc Thống, Khắc Thị Mai Xuân
11.	Văn bản đọc hiểu Ngữ văn 6	2021	Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương
12.	Ôn tập, Kiểm tra đánh giá năng lực môn Ngữ văn 6	2021	Nguyễn Việt Hùng (chủ biên), Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Phương Dung, Dương Tuyết Hạnh, Đặng Thị Thu Hiền, Cao Thu Phương, Lã Phương Thúy
13.	Các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán - Hình học 7	2021	Trần Quang Hùng, Đào Thị Hoa Mai
14.	Các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán - Hình học 9	2021	Trần Quang Hùng, Đào Thị Hoa Mai, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Đăng Quả, Đỗ Xuân Long
15.	Book: Current advances in chemistry and biochemistry (Chương sách: “Atomic absorption spectrometric method determining trace amounts of arsenic and some heavy metals in their treatment technology by iron powder”)	2021	Pham Thi Kim Giang, Dang Xuan Thu
16.	Định hướng bồi dưỡng học sinh năng khiếu Toán, tập 3, Số học	2021	Lê Anh Vinh, Hoàng Đỗ Kiên, Lê Phúc Lữ, Phạm Đức Hiệp
17.	Kỹ năng phòng chống ma túy cho học sinh THPT	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)
18.	Kỹ năng phòng chống ma túy cho học sinh THCS	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)
19.	Kỹ năng phòng chống ma túy dành cho giáo viên và CBQL giáo dục	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)
20.	Kỹ năng phòng chống ma túy dành cho cha mẹ học	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)

	sinh		
21.	Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 6	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)
22.	Tài liệu Tập huấn giáo viên Khoa học tự nhiên 6	2021	Mai Văn Hưng (chủ biên)
23.	Phát triển năng lực KHTN 6	2021	Nguyễn Văn Biên, Lê Thị Phương
24.	Giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh lớp 1	2021	Nguyễn Đức Khuông, Phạm Thị Nga
25.	Giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh lớp 2	2021	Nguyễn Đức Khuông, Nguyễn Thị Hoàng Anh
26.	Giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh lớp 3	2021	Nguyễn Đức Khuông, Nguyễn Thị Hoàng Anh
27.	Giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh lớp 4	2021	Nguyễn Đức Khuông, Nguyễn Liên Hoa
28.	Giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh lớp 5	2021	Nguyễn Đức Khuông, Đặng Xuân Điều
29.	Đánh giá năng lực khoa học của học sinh trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6	2021	Lê Thái Hưng, Vũ Phương Liên, Nguyễn Thị Phương Vy
30.	Giáo dục Toán thực (Realistic Mathematics Education) Nghiên cứu và Vận dụng	2021	Nguyễn Tiến Trung (Chủ biên) và cộng sự
31.	SGK Lịch sử và Địa lí 6 (bộ Cánh Diều) [phần Lịch sử]	2021	Đỗ Thanh Bình (Tổng Cb), Trần Việt Lưu - Nguyễn Văn Ninh (đồng Cb), Phạm Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám
32.	SGV Lịch sử và Địa lí 6 (bộ Cánh Diều) [phần Lịch sử]	2021	Đỗ Thanh Bình (Tổng Cb), Trần Việt Lưu - Nguyễn Văn Ninh (đồng Cb), Phạm Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám
33.	SBT Lịch sử và Địa lí 6 (bộ Cánh Diều) [phần Lịch sử]	2021	Đỗ Thanh Bình (Tổng Cb), Trần Việt Lưu - Nguyễn Văn Ninh (đồng Cb), Phạm Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám
34.	Bài tập phát triển năng lực môn Đạo đức lớp 2 (theo CTGDPT mới)	2021	Nguyễn Thị Liên (ĐCB)
35.	Bộ GD và ĐT, Hướng dẫn đánh giá thực hiện chương trình trong cơ sở GDMN,	2021	Trần Thị Ngọc Trâm, Hoàng Thị Dinh, Hoàng Thị Nho, Cao Thị Hồng Nhung, Đinh Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hà

36.	Bộ GD và ĐT, Hướng dẫn tổ chức giáo dục hòa nhập trong cơ sở GDMN	2021	Nguyễn Thị Kim Hoa, Vũ Huyền Trinh, Lê Thị Thuý Hằng, Hoàng Thị Nho, Vũ Thị Huyền Trang
37.	Bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý giáo viên mầm non đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non	2021	Cù Thị Thủy, Nguyễn Thị Mỹ Trinh (đồng chủ biên), Chu Thị Hồng Nhung
38.	Giáo dục hướng nghiệp Lớp 6	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Hương, Vũ Phương Liên, Trần Thành Nam, Trần Văn Tính, Hoàng Gia Trang
39.	Giáo dục hướng nghiệp Lớp 7	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Hương, Vũ Phương Liên, Trần Thành Nam, Trần Văn Tính, Hoàng Gia Trang
40.	Giáo dục hướng nghiệp Lớp 8	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Hương, Vũ Phương Liên, Trần Thành Nam, Trần Văn Tính, Hoàng Gia Trang
41.	Giáo dục hướng nghiệp Lớp 9	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Hương, Vũ Phương Liên, Trần Thành Nam, Trần Văn Tính, Hoàng Gia Trang
42.	Giáo dục kỹ năng hoạt động nhóm cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề ở trường mầm non	2021	Trần Thị Kim Yến
43.	Giáo trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2021	Vũ Thị Kiều Trang, Chu Thị Hồng Nhung (Đồng chủ biên)
44.	SGK Hoạt động trải nghiệm lớp 2	2021	Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên); Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên); Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yến Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Tri

45.	SGV Hoạt động trải nghiệm lớp 2	2021	Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên); Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang
46.	SGK Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp lớp 6	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (chủ biên), Trần Minh Hương, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thúy, Phạm Đình Vân
47.	SGV Hoạt động trải nghiệm lớp 6	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thúy
48.	SBT Hoạt động trải nghiệm lớp 6	2021	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên), Trần Thị Quỳnh Trang (chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thúy
49.	Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2021	Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng, Nguyễn Thị Thanh Dung
50.	Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2021	Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng, Nguyễn Thị Thanh Dung
51.	Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	2021	Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng, Nguyễn Thị Thanh Dung
52.	Thực hành phát triển năng lực Hoạt động trải nghiệm 2	2021	Phạm Duy Anh, Trần Thành Nam
53.	Sách Giáo khoa Đạo Đức 2	2021	Nguyễn Thị Toan (tổng CB), Trần Thành Nam (CB), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai
54.	Sách Giáo viên Đạo đức 2	2021	Nguyễn Thị Toan (tổng CB), Trần Thành Nam (CB),

			Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai
55.	Vở Bài tập Đạo đức 2	2021	Nguyễn Thị Toan, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai
56.	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 2	2021	Nguyễn Thị Liên (ĐCB)
57.	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng số trong trường tiểu học	2021	Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Bích Thủy
58.	Initiatives to promote School based mental health support by department of Educational Sciences, University of Education Under Vietnam National University	2021	Hoang Phuong Hanh; Tran Thanh Nam; Le Anh Vinh
59.	'We feel sad and bored': Covid-19 impacts on mental health of adolescents in Viet Nam	2021	Samuels, F., Ho, H., Vu, V., Nguyen, P., Le, L., Dang, H-M et al.
60.	Bài tập Tin học 6 Cơ bản và nâng cao	2021	Tôn Quang Cường (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Lê Quang Minh, Nguyễn Đức Nguyên
61.	Văn học Việt Nam Trung Cận Đại: Hướng tiếp cận và vấn đề nghiên cứu	2021	GS. Nguyễn Đình Chú, Biện Minh Điền, Trần Văn Toàn, Nguyễn Đức Can
62.	Tự nhiên và Xã hội 2 (SHS)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB), Nguyễn Thị Thán,...
63.	Tự nhiên và Xã hội 2 (Sách giáo viên - SGV)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB), Nguyễn Thị Thán,...
64.	Tự nhiên và Xã hội 2 (SBT)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB), Nguyễn Thị Thán,...
65.	Khoa học tự nhiên 6 (SHS)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB),...
66.	Khoa học tự nhiên 6 (SGV)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB),...
67.	Khoa học tự nhiên 6 (SBT)	2021	Vũ Văn Hùng (Tổng CB),...
68.	Book: Education for the 21st Century Technologies and Protocols	2021	Apple Academic Press Editors: Souvik Pal, PhD, Ton Quang Cuong, PhD, R. S. S.

			Nehru, PhD
69.	Book: Intelligent Computing Paradigm and Cutting-edge Technologies, Springer, 2021 (Proceedings of the second International Conference on Innovative Computing and Cutting-edge Technologies (ICICCT))	2021	Ton Quang Cuong, PhD
70.	Chiba booklet ISBN: 978-4-909857-00-2 Chapter 4: Soybean related issues in Vietnam	2021	Bui Thi Thanh Huong, Nguyen Ngoc Anh, Pham Thu Thuy, Ong Duc Tri
71.	Sách giáo khoa Công nghệ 6	2021	Lê Huy Hoàng, Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú
72.	Sách giáo viên Công nghệ 6	2021	Lê Huy Hoàng, Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú
73.	Sách bài tập Công nghệ 6	2021	Lê Huy Hoàng, Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú
74.	Vở thực hành Công nghệ 6	2021	Lê Huy Hoàng, Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú
75.	Quản trị giáo dục đại học	2021	Trần Trung, Tạ Thị Thu Hiền (Đồng Chủ Biên), Nguyễn Thị Thu Hương, Hoàng Thị Xuân Hoa, Phạm Văn Tuấn
76.	Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc	2021	Mai Trọng Nhuận (Chủ Biên), Nguyễn Thị Hoàng Hà, Trương Xuân Cừ, Dương Ngọc Hải, Vũ Minh Giang, Trương Vũ Bằng Giang, Vũ Văn Tích, Hoàng Khắc Lịch, Trần Văn Hải, Đào Thanh Trường, Vương Quốc Thắng, Nguyễn Văn Tăng, Tạ Thị Thu Hiền, Vũ Thị Minh Hiền, Nguyễn Tuấn Anh, Mai Hoàng Anh, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Đăng Quy, Lưu Việt Dũng, Mai Nguyên Ngọc
77.	Tục ngữ Bắc Bộ	2021	Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Ngọc Lập

78.	Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam thực trạng và giải pháp	2021	Đào Trọng Thi, Phạm Thị Thanh Hải (Đồng chủ biên), Nguyễn Quý Thanh, Lê Ngọc Hùng, Phạm Văn Quyết, Nghiêm Xuân Huy, Nguyễn Đức Huy, Tăng Thị Thùy, Nguyễn Thị Thu Hương, Phạm Thị Ly, Nguyễn Thị Minh Phương, Vũ Thị Mai Anh.
79.	Nghề Giáo viên Tiểu học	2021	Phạm Thị Thanh Hải (Chủ biên), Lê Kim Long, Phạm Văn Thuận, Tôn Quang Cường, Nguyễn Bá Ngọc

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Tiến sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt (ghi tên chuyên ngành)
1.	Đánh giá năng lực tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ 5-6 tuổi của giáo viên mầm non	Nguyễn Thiều Dạ Hương	PGS. TS. Trần Thành Nam và PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
2.	Phát triển và chuẩn hóa thang đánh giá năng lực hợp tác của sinh viên Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Trịnh Hồng Linh	PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền TS. Nguyễn Xuân Long	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
3.	Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học (nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)	Phạm Đức Long	PGS. TS. Nguyễn Thúy Nga TS. Tăng Thị Thùy	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
4.	Nâng cao chất lượng chương trình học kết hợp tại một số trường đại học tại Việt Nam	Nguyễn Hồng Mai	PGS. TS. Nguyễn Thị Thủy Vinh TS. Nguyễn Anh Tuấn	Đo lường và đánh giá trong giáo dục

5.	Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập tiếng Anh của sinh viên đại học Ngoại thương: sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)	Phạm Hồng Nhung	PGS. TS. Vũ Trọng Lương TS. Nguyễn Tùng Linh	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
6.	Xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ lo âu của học sinh trung học phổ thông thành phố Hà Nội	Lê Phương Thúy	PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền TS. Trần Văn Công	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
7.	Quản lý phát triển hệ sinh thái dạy học tiếng Anh của Trường Trung học cơ sở trong bối cảnh hiện nay	Lê Thị Minh Huệ	PGS. TS. Nguyễn Thị Yên Phương TS. Nghiêm Thị Dương	Quản lý giáo dục
8.	Phát triển đội ngũ giáo viên môn khoa học tự nhiên ở các trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018	Lưu Văn Thông	PGS. TS. Phạm Văn Thuận PGS. TS. Nguyễn Xuân Thúc	Quản lý giáo dục
9.	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin	Ngô Văn Định	GS. TS. Trần Trung PGS. TS. Nguyễn Chí Thành	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học
10.	Quản lý hoạt động đào tạo đại học tại các trường công an nhân dân theo tiếp cận 4.0	Bùi Đức Cường	PGS. TS. Phạm Thị Thanh Hải và TS. Sĩ Ngọc Anh	Quản lý giáo dục
11.	Quản lý chương trình đào tạo	Phạm Cường	PGS. TS. Lê Kim Long và TS.	Quản lý giáo dục

	trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo hướng tiếp cận năng lực chuẩn khu vực ASEAN		Nguyễn Văn Thái Bình	
12.	Giải pháp quản lý xây dựng và phát triển thương hiệu tại các trường đại học tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Minh Huệ	GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc và TS. Nguyễn Trung Kiên	Quản lý giáo dục
13.	Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong các học phần tiếng anh tại các trường đại học theo tiếp cận năng lực	Dương Thị Thu Huyền	GS. TS. Lê Ngọc Hùng và PGS. TS. Nguyễn Đức Sơn	Quản lý giáo dục
14.	Quản lý hoạt động hỗ trợ tự học cho sinh viên theo chương trình liên thông ngôn ngữ Anh trong bối cảnh xây dựng xã hội học tập	Nguyễn Thái Hữu	PGS. TS. Dương Thị Hoàng Yến và TS. Phạm Phương Tâm	Quản lý giáo dục
15.	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân liên kết quốc tế theo hướng hội nhập	Đỗ Thị Hồng Liên	PGS. TS. Nguyễn Tiến Trung và GS. TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
16.	Quản lý phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên các trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Minh Thành	GS. TS. Hoàng Văn Vân và TS. Phạm Phương Tâm	Quản lý giáo dục
17.	Đánh giá hiệu quả của hình thức kết hợp (blended learning) trong chương trình đào tạo biên phiên dịch	Bùi Thị Kim Phượng	GS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Đo lường và đánh giá trong giáo dục

18.	Nghiên cứu đặc điểm tâm lý và nhu cầu chăm sóc tâm lý ở trẻ em mắc bệnh cơ thể mạn tính	Nguyễn Mai Hương	PGS. TS. Trần Thành Nam	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
19.	Xây dựng và đánh giá hiệu quả chương trình quản lý hành vi cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn Đà Nẵng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	PGS. TS. Trần Thành Nam và TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
20.	Nghiên cứu phát triển mô hình dạy học máy hỗ trợ kiểm tra, đánh giá học sinh phổ thông theo hướng phát triển năng lực	Nguyễn Hoài Nam	PGS. TS. Nguyễn Hà Nam và PGS. TS. Lê Kim Long	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học
21.	Nghiên cứu, phát triển mô hình dạy và học kết hợp hỗ trợ học tập cá nhân hóa	Nguyễn Hòa Huy	PGS. TS. Nguyễn Việt Anh và TS. Tôn Quang Cường	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học
22.	Tổ chức dạy học vật lý bằng tiếng Anh ở trường Trung học phổ thông với sự hỗ trợ phần mềm trên Smartphone	Phạm Thị Hải Yến	PGS. TS. Phạm Kim Chung và TS. Tôn Quang Cường	Lí luận, phương pháp và công nghệ dạy học

2. Thạc sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt (ghi tên chuyên ngành)
1.	Nông Đình Thanh	Quản lý giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Trường Trung học phổ thông Đồng Bành, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.	GS.TS Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục

2.	Lành Thị Huệ	Quản lý hoạt động giáo dục bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể hát then của dân tộc Tày, Nùng cho học sinh các trường Trung học cơ sở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.	GS.TS Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
3.	Lô Thúy Lan	Quản lý hoạt động trải nghiệm định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trường Trung học phổ thông Đồng Bành, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.	GS.TS Phan Văn Kha	Quản lý giáo dục
4.	Mai Xuân Thảo	Quản lý hoạt động dạy học ở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018	PGS.TS Nguyễn Huy Hoàng	Quản lý giáo dục
5.	Nông Thị Hợp	Quản lý hoạt động giáo dục trẻ tại Trường Mầm non 1-6 Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đáp ứng chương trình giáo dục mầm non.	PGS.TS Nguyễn Văn Hồng	Quản lý giáo dục
6.	Lăng Đức Mạnh	Quản lý sinh hoạt chuyên môn dựa vào nghiên cứu bài học tại Trường Trung học phổ thông Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	PGS.TS Nguyễn Văn Hồng	Quản lý giáo dục

7.	Hoàng Thị Lan	Quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho phụ nữ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	PGS.TS Phạm Thị Thanh Hải	Quản lý giáo dục
8.	Hoàng Bảo Ngọc	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục cho trẻ ở Trường Mầm non Tuổi Thân Tiên, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn.	PGS.TS Phạm Thị Thanh Hải	Quản lý giáo dục
9.	Sái Kim Thoa	Quản lý hoạt động trải nghiệm trong các trường Tiểu học huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo hướng phát triển năng lực thích ứng	PGS.TS Phó Đức Hòa	Quản lý giáo dục
10.	Nguyễn Hải Tuấn	Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trường trung học phổ thông thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	PGS.TS Trần Thị Minh Hằng	Quản lý giáo dục
11.	Trần Thị Thu	Quản lý hoạt động dạy học học phần âm nhạc cho sinh viên ngành sư phạm mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn đáp ứng yêu cầu đổi mới	TS Hoàng Đức Minh	Quản lý giáo dục

		giáo dục		
12.	Nguyễn Văn Hoàn	Quản lý hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường tại Trường Trung học phổ thông Đồng Bành, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn trong bối cảnh hiện nay	PGS.TS Phạm Thị Thu Hoa	Quản lý giáo dục
13.	Nông Thị Ngọc Hoa	Quản lý hoạt động của tổ chuyên môn triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở Trường Trung học phổ thông Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.	TS Nghiêm Thị Dương	Quản lý giáo dục
14.	Nguyễn Văn Tuấn	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động của đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại Trường Trung học phổ thông Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.	TS Nghiêm Thị Dương	Quản lý giáo dục
15.	Nông Thúy Hiền	Quản lý hoạt động bồi dưỡng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho giáo viên Tiểu học huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS Nguyễn Phương Huyền	Quản lý giáo dục

16.	Hoàng Văn Long	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sử dụng mạng xã hội tại trường trung học phổ thông Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn trong bối cảnh hiện nay.	TS Nguyễn Phương Huyền	Quản lý giáo dục
17.	Nguyễn Thị Hương	Quản lý hoạt động chuyên môn theo tiếp cận văn hóa nhà trường tại trường trung học phổ thông Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	TS Nguyễn Thanh Lý	Quản lý giáo dục
18.	Nguyễn Minh Thu	Phát triển đội ngũ nữ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông tỉnh Lạng Sơn theo quan điểm bình đẳng giới.	TS Nguyễn Trọng Hậu	Quản lý giáo dục
19.	Nguyễn Thị Đào	Quản lý môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm của các trường Mầm non trên địa bàn huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.	PGS.TS Phạm Mạnh Hà	Quản lý giáo dục
20.	Vũ Thị Huyền Trang	Quản lý hoạt động phối hợp giữa Ngành Giáo dục và Hội Liên hiệp phụ nữ trong giáo dục bình đẳng giới cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Lạng Sơn trong bối cảnh hiện nay	TS Hoàng Văn Dương	Quản lý giáo dục

21.	Dương Thị Thu Thủy	Quản lý hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học tại Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, tỉnh Yên Bái	GS.TS Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
22.	Nguyễn Thị Kim	Quản lý hệ thống cơ sở giáo dục mầm non thuộc Tổ chức giáo dục Mpeec theo quan điểm nhà trường hạnh phúc	PGS.TS Nguyễn Đức Sơn	Quản lý giáo dục
23.	Bùi Thị Hương	Phát triển đội ngũ giáo viên khối tiểu học trong hệ thống trường Kinderworld tại Hà Nội theo tiếp cận quản lý nguồn nhân lực	TS Nguyễn Lan Phương	Quản lý giáo dục
24.	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Quản lý dạy học môn toán trong các trường tiểu học huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo hướng phát triển năng lực học sinh.	PGS.TS Nguyễn Xuân Thúc	Quản lý giáo dục
25.	Phạm Thị Nhan	Quản lý hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên tại khoa Quốc tế Đại học Quốc gia Hà Nội.	TS Cán Thị Thanh Hương	Quản lý giáo dục

26.	Nghiêm Thu Hường	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua trải nghiệm cho học sinh trường Tiểu học Dương Quang, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	PGS.TS Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục
27.	Trần Thu Giang	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo lớn theo hướng trải nghiệm ở các trường Mầm non quốc tế KinderWorld tại Hà Nội	TS Nguyễn Lan Phương	Quản lý giáo dục
28.	Lê Thị Thủy	Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường Trung học cơ sở Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội theo hướng tích hợp trong các môn học.	TS Đỗ Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
29.	Phạm Kiều Oanh	Quản lý hoạt động truyền thông marketing trong công tác tuyển sinh của trường Tiểu học Times School, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	PGS.TS Vũ Ngọc Hà	Quản lý giáo dục
30.	Nguyễn Thị Hương	Quản lý đội ngũ cán bộ thư viện tại Trung tâm Thông tin Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận văn hóa tổ chức	TS Nguyễn Thanh Lý	Quản lý giáo dục

31.	Trần Diễm Giang	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học tại các trường trung học cơ sở thuộc xã đặc biệt khó khăn của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	TS Nguyễn Trung Kiên	Quản lý giáo dục
32.	Đậu Đình Phong	Phát triển đội ngũ giáo viên tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn theo tiếp cận năng lực	TS Nguyễn Trung Kiên	Quản lý giáo dục
33.	Đỗ Văn Hiếu	Quản lý giáo dục kỹ luật cho học viên sĩ quan cấp phân đội tại học viện biên phòng	TS Vũ Quang Hải	Quản lý giáo dục
34.	Nguyễn Sơn Chung	Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trường sĩ quan Pháo binh	TS. Lê Thái Hưng	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
35.	Đỗ Thúy Hằng	So sánh các hình thức kiểm tra đánh giá học phần Triết học Mác - Lênin	PGS. TS. Lê Đức Ngọc	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
36.	Võ Thị Huyền	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn Tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai	PGS. TS. Vũ Trọng Lưỡng	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
37.	Ngô Duy Bình	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm thích ứng trên máy tính đánh giá năng lực chuyên biệt	PGS. TS. Lê Đức Ngọc	Đo lường và đánh giá trong giáo dục

		môn Hóa học của học sinh Trung học phổ thông lớp 11		
38.	Nguyễn Hải Dương	Phát triển ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm thích ứng đánh giá năng lực chuyên biệt môn Vật lí lớp 10	TS. Lê Thái Hưng	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
39.	Nguyễn Thái Hà	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm thích ứng trên máy tính đánh giá năng lực mô hình hoá Toán học của học sinh Trung học phổ thông lớp 12	TS Trần Xuân Quang	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
40.	Nguyễn Thanh Hải	Đánh giá mức độ thích ứng của sinh viên Lào với môi trường học tập tại Trường Đại học Tây Bắc	PGS.TS Phạm Văn Quyết	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
41.	Nguyễn Việt Hưng	Nghiên cứu khảo sát các bên liên quan chủ yếu tác động đến sự điều chỉnh chương trình đào tạo đại học ngành y đa khoa tại Học viện Quân y	TS. Trần Thị Hoài	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
42.	Trần Thị Lý	Mối quan hệ giữa sự gắn kết và kết quả học tập của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Nam Định	TS. Tăng Thị Thùy	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
43.	Nguyễn Ngọc Phượng	Mối quan hệ giữa môi trường học đường và kết quả học tập môn Toán của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn thành	TS. Tăng Thị Thùy	Đo lường và đánh giá trong giáo dục

		phố Hà Nội		
44.	Trần Thị Hương Trang	Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực công dân toàn cầu của học sinh tiểu học Việt Nam từ kết quả chương trình đánh giá SEAPLM 2019	TS. Tạ Thị Thu Hiền	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
45.	Đặng Đức Anh	Mối liên hệ giữa trải nghiệm tuổi thơ tiêu cực và nguy cơ tự sát của trẻ vị thành niên	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
46.	Lê Thị Chính	Thực trạng bị bắt nạt ở học sinh tiểu học có rối loạn phát triển trong môi trường giáo dục hoà nhập	TS. Trần Văn Công	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
47.	Phạm Thị Dàn	Kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc của trẻ tăng động giảm chú ý ở độ tuổi Tiểu học trong môi trường hòa nhập	TS. BS. Nguyễn Hữu Chiến	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
48.	Phạm Thị Kim Diễm	Mối liên hệ giữa sự bất mãn về hình ảnh cơ thể và các hành vi ăn uống có vấn đề ở học sinh THCS.	GS.TS Bahr Weiss	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
49.	Nguyễn Hồng Đào	“Mối liên hệ giữa hành vi bắt nạt và lòng tự trọng của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng”	TS. Nguyễn Bá Đạt	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
50.	Nguyễn Thị Hiền	Khó khăn tâm lý của giáo viên	TS. Hoàng Gia Trang	Tâm lý học lâm sàng trẻ

		mầm non trong giáo dục hoà nhập cho trẻ rối loạn phát triển		em và vị thành niên
51.	Trần Thị Tuyết Hồng	Mối quan hệ giữa sự gắn bó với cha mẹ và biểu hiện của rối loạn căng thẳng sau chấn thương phức hợp ở thanh niên	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
52.	Nguyễn Thu Huyền	Hiểu biết về hành vi tự sát của sinh viên một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội	TS.BS. Nguyễn Hữu Chiến	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
53.	Bùi Thị Thu Hương	Hiểu biết về sức khỏe tâm thần của Phật tử	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
54.	Chu Thị Lệ	Stress của người làm việc tại cơ sở can thiệp trẻ rối loạn phát triển	TS. Đỗ Thị Lệ Hằng	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
55.	Nguyễn Thị Loan	Mối quan hệ giữa mức độ sử dụng mạng xã hội và sự hài lòng về hình ảnh bản thân ở học sinh trung học cơ sở	PGS. TS. Trần Thành Nam	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
56.	Nguyễn Doãn Lợi	Cách ứng phó với căng thẳng của cha mẹ có con mắc rối loạn phổ tự kỷ	TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
57.	Lương Huệ Mẫn	Nhận thức và thái độ của học sinh THPT đối với dịch vụ hỗ trợ tâm lý trong trường	TS. Nguyễn Bá Đạt	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

58.	Ngô Thị Bích Ngọc	Mối quan hệ giữa mức độ phụ thuộc vào thiết bị di động tới thành tích học tập và mức độ tập trung chú ý ở tuổi vị thành niên	PGS. TS. Trần Thành Nam	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
59.	Nguyễn Thanh Tâm	Mối quan hệ giữa việc tiếp xúc trang web phim khiêu dâm với hành vi tình dục của học sinh THPT	PGS. TS. Nguyễn Hồng Thuận	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
60.	Đặng Quỳnh Trang	Mối liên hệ giữa sự chế giễu cơ thể và các vấn đề sức khoẻ tâm thần ở học sinh THCS tại Hà Nội	TS. Nguyễn Cao Minh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
61.	Võ Đắc Bảo Trân	Nhận thức về rối loạn lưỡng cực chống đối ở trẻ dưới 6 tuổi của giáo viên mầm non tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
62.	Nguyễn Thị Uyên	Những yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của học sinh THPT thành phố Sơn La	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
63.	Nguyễn Thị Phương Anh	Dạy học đọc hiểu thơ trữ tình trung đại cho học sinh lớp 11 theo hướng phát triển năng lực	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
64.	Nghiêm Thu Hằng	Ứng dụng công nghệ vào dạy	TS. Tôn Quang Cường	Lý luận và PP dạy học bộ

		học đọc hiểu văn bản Nhớ mùa thu Hà Nội của Trịnh Công Sơn (Chương trình Ngữ văn 2018)		môn Ngữ Văn
65.	Hoàng Thị Kiều	Vận dụng lí thuyết Điểm nhìn vào dạy học một số truyện ngắn sau 1975 cho học sinh Trung học phổ thông theo chương trình Ngữ văn 2018	PGS.TS. Nguyễn Văn Chính	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
66.	Vũ Hương Trà My	Dạy học đọc hiểu văn bản kí trong sách giáo dục 6- Bộ Cánh Diều	TS. Dương Tuyết Hạnh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
67.	Nguyễn Hồng Ngọc	Dạy học văn bản thông tin cho học sinh lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018	TS. Lã Phương Thúy	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
68.	Nguyễn Thị Thanh	Hướng dẫn học sinh trung học cơ sở kết nối tri thức đời sống trong đọc hiểu văn bản truyện Việt Nam hiện đại	PGS.TS. Bùi Minh Đức	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
69.	Lê Thị Thảo	Dạy học bài văn bản Nghị luận (Nghị luận xã hội) trong sách giáo khoa Ngữ Văn 6 - Bộ Cánh Diều	TS. Lã Phương Thúy	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
70.	Vũ Thị Minh Thu	Dạy học truyện dân gian Việt Nam cho học sinh lớp 6 theo định hướng phát triển năng lực (Theo sách Ngữ văn 6 - Bộ Cánh Diều)	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn

71.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Vận dụng lí thuyết Hồi ứng trải nghiệm vào dạy học văn bản truyền thuyết cho học sinh Trung học cơ sở theo chương trình 2018	PGS.TS. Lê Hải Anh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
72.	Ma Thị Vinh	Dạy học tạo lập văn bản thông tin (dạng đa phương thức) cho học sinh lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018	TS. Phạm Thị Thanh Phương	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
73.	Nguyễn Thị Hải Yến	Dạy học đọc hiểu thơ Đường (Trung Quốc) cho học sinh Trung học cơ sở theo chương trình Ngữ văn 2018	PGS.TS. Nguyễn Thu Hiền	Lý luận và PP dạy học bộ môn Ngữ Văn
74.	Chu Đức Anh	Tổ chức dạy học chủ đề "Chuyển động biến đổi đều" - Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	PGS.TS Đinh Văn Dũng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
75.	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học chương "Động lực học chất điểm" - Vật Lí 10 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	TS. Lê Chí Nguyên	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
76.	Dương Tuấn Bình	Xây dựng và sử dụng bài tập "Các định luật bảo toàn" - Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực vật lí của học sinh	GS.TS. Nguyễn Huy Sinh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý

77.	Nguyễn Hữu Chung	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực tiễn chủ đề "Dòng điện xoay chiều" nhằm phát triển năng lực vật lí cho học sinh trung học phổ thông.	PGS.TS Phạm Kim Chung	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
78.	Nguyễn Anh Đức	Thiết kế và tổ chức dạy học bài học STEM phần Cơ học - Vật lí 10	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
79.	Nguyễn Công Đức	Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trong dạy học "Động lực học" - Vật lí 10 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	PGS.TS Bùi Văn Loát	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
80.	Bạch Trung Dũng	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thí nghiệm nhằm phát triển năng lực thực nghiệm của học sinh trong dạy học chương "Dòng điện không đổi" - Vật lí 11	PGS.TS Phạm Kim Chung	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
81.	Tạ Thị Hương Giang	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học "Một số lực trong thực tiễn" - Vật lí 10 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018	TS. Lê Chí Nguyễn	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
82.	Đỗ Duy Hải	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập "Động học" - Vật lí 10 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nhằm phát triển	GS.TS. Nguyễn Huy Sinh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý

		năng lực giải quyết vấn đề của học sinh		
83.	Nguyễn Thúy Hằng	Tổ chức dạy học STEM chủ đề " Động lượng"- Vật lí 10 chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh	TS. Dương Xuân Quý	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
84.	Nguyễn Thị Hằng	Tổ chức hoạt động ngoại khóa chủ đề "Năng lượng và sự biến đổi" - Khoa học tự nhiên 6 theo định hướng giáo dục STEM	PGS.TS Bùi Văn Loát	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
85.	Đỗ Thị Hoa	Tổ chức dạy học tìm tòi khám phá chủ đề "Dòng điện không đổi"- Vật lí 11 nhằm bồi dưỡng tư duy khoa học của học sinh	TS. Ngô Diệu Nga	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
86.	Nguyễn Thị Linh Hương	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học "Chất quanh ta" - Khoa học tự nhiên 6 nhằm phát triển năng lực khoa học của học sinh	TS. Đỗ Trung Kiên	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
87.	Vũ Thị Liên	Tổ chức dạy học chương "Mắt. Các dụng cụ quang học" - Vật lí 11 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh.	PGS. TS Nguyễn Văn Nhã	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
88.	Vũ Khánh Linh	Tổ chức dạy học phần "Mở đầu về Khoa học tự nhiên", Khoa học Tự nhiên 6 nhằm phát triển	GS.TS.Vũ Văn Hùng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý

		năng lực khoa học cho học sinh		
89.	Vương Trí Thị Loan	Tổ chức dạy học dựa trên vấn đề - chủ đề Áp suất chương trình Cambridge stage 9	GS.TS.Đỗ Hương Trà	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
90.	Nguyễn Ngân Nga	Tổ chức dạy học kết hợp chủ đề "Ba định luật Newton về chuyển động" - Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực Vật lí của học sinh	PGS.TS Nguyễn Văn Biên	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
91.	Trần Thị Ngân	Tổ chức dạy học " Động lực học" - Vật lí 10 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm phát triển năng lực vật lí của học sinh.	TS. Hoàng Chí Hiếu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
92.	Nguyễn Tuyết Ngọc	Tổ chức dạy học giải quyết vấn đề: Chuyên đề "Một số ứng dụng vật lí trong y học" - Vật lí 12	GS.TS. Nguyễn Quang Báu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
93.	Hoàng Thị Phương	Xây dựng các chỉ báo và câu hỏi đánh giá năng lực khoa học của học sinh trong dạy học " Mở đầu về Khoa học tự nhiên"- Khoa học Tự nhiên 6	GS.TS.Vũ Văn Hùng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
94.	Nguyễn Thị Thảo	Xây dựng và sử dụng câu hỏi đánh giá trong dạy học "Mở đầu về Khoa học tự nhiên" và "Chất quanh ta" - Khoa học Tự nhiên 6	GS.TS.Vũ Văn Hùng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý

95.	Phạm Thị Kim Thuý	Tổ chức dạy học chủ đề "Sóng cơ"- Vật lí 12 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh	TS. Hoàng Chí Hiếu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
96.	Nguyễn Văn Toàn	Thiết kế và sử dụng thiết bị thí nghiệm trong dạy học phần "Nhiệt học" nhằm phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	TS. Nguyễn Văn Nghĩa	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
97.	Đỗ Phạm Quỳnh Trang	Phát triển năng lực tự học của học sinh theo mô hình Blended Learning trong dạy học về "Năng lượng" - Khoa học tự nhiên 6	TS. Tưởng Duy Hải	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
98.	Lưu Quỳnh Trang	Tổ chức dạy học ngoại khóa thí nghiệm chủ đề "Các hiện tượng bề mặt của chất lỏng" - Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực thực nghiệm của học sinh	TS. Nguyễn Anh Thuận	Lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý
99.	Nguyễn Trường An	Dạy học mô hình hoá toán học cho học sinh lớp 12 trường trung học phổ thông Cổ Loa - Hà Nội trong chủ đề tích phân	TS. Lưu Bá Thắng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
100.	Nguyễn Tuấn Anh	Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề thông qua dạy học chủ đề số nguyên lớp 6	TS. Nguyễn Văn Tuấn	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
101.	Hoàng Thị Hải Anh	Phát triển tư duy sáng tạo cho	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	Lý luận và PP dạy học bộ

		học sinh thông qua dạy học chuyên đề đẳng thức và phương trình trong tổ hợp		môn Toán
102.	An Ngọc Quế Anh	Dạy học mô hình hoá toán học chủ đề hàm số bậc nhất cho học sinh lớp 9	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
103.	Nguyễn Lê Hoàng Anh	Sử dụng phần mềm ActivInspire trong dạy học một số chuyên đề hình học 6 theo định hướng dạy học tương tác	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
104.	Trần Văn Minh Chiến	Phát triển tư duy sáng tạo trong dạy học xác định số hạng tổng quát của dãy số và một số bài toán liên quan cho học sinh chuyên toán	TS. Phạm Đức Hiệp	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
105.	Nguyễn Mạnh Cường	Rèn luyện kỹ năng giải toán chủ đề hệ thức lượng trong tam giác vuông cho học sinh lớp 9 trung học cơ sở	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
106.	Trịnh Minh Đức	Dạy học dự án một số chủ đề trong chương trình Đại số và giải tích lớp 11 nhằm rèn luyện thói quen tư duy Toán học cho học sinh	TS. Nguyễn Phụ Hoàng Lân	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
107.	Vũ Thị Hương Giang	Dạy học một số chủ đề trong chương trình Toán lớp 6 và lớp 7 thông qua phương pháp "cụ thể - hình ảnh - trừu tượng" (CPA)	TS. Nguyễn Phụ Hoàng Lân	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán

108.	Trần Thu Hà	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh khá giỏi trong dạy học chủ đề phương trình chứa căn thức ở lớp 9.	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
109.	Phạm Hoàng Hải	Phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học chủ đề Phương trình và hệ phương trình	TS. Phan Thị Tình	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
110.	Đỗ Thị Thu Hằng	Bồi dưỡng chủ đề đa thức cho học sinh giỏi cấp trung học cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
111.	Lê Thị Thu Hằng	Dạy học nội dung hình học không gian ở bậc trung học phổ thông theo định hướng giáo dục STEM	TS. Đỗ Tùng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
112.	Nguyễn Hồng Hạnh	Thiết kế hoạt động dạy học một số chủ đề Số học lớp 6 theo định hướng phân hoá	TS. Dư Đức Thắng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
113.	Nguyễn Thị Mai Hoa	Rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua dạy học chương vectơ lớp 10	TS. Phạm Thị Bạch Ngọc	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
114.	Nguyễn Thị Hoài	Tạo hứng thú học Toán cho học sinh ở các trung tâm giáo dục thường xuyên	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
115.	Nguyễn Thị Hồng	Phát triển năng lực giải quyết	PGS. TS. Trần Việt Cường	Lý luận và PP dạy học bộ

		vấn đề thông qua dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong không gian cho học sinh lớp 12		môn Toán
116.	Luu Thị Lan Hương	Thiết kế và sử dụng các hoạt động khởi động trong dạy học chủ đề phân số ở lớp 6.	PGS.TS. Nguyễn Tiến Trung	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
117.	Nguyễn Phan Thu Hương	Dạy học nội dung Thống kê cho học sinh lớp 10 trung học phổ thông theo hướng tích hợp giáo dục hướng nghiệp	TS. Đỗ Thị Trinh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
118.	Phạm Thu Huyền	Một số phương pháp dạy học phát triển năng lực người học trong dạy học chủ đề hệ phương trình bậc nhất lớp 9	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
119.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Dạy học trải nghiệm trong hình học 8	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
120.	Nguyễn Thị Linh	Rèn luyện một số kỹ năng toán học cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề Xác suất	TS. Trần Xuân Quang	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
121.	Nguyễn Thị Ái Linh	Dạy học bằng tiếng Anh trong môn hình học cho học sinh cấp trung học cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
122.	Nguyễn Thuỳ Linh	Dạy học nội dung Thống kê và xác suất trong chương trình Toán lớp 6 theo hướng phát triển năng lực	PGS. TS. Trần Ngọc Lan	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán

123.	Phạm Khánh Linh	Dạy học theo dự án một số chủ đề trong Hình học lớp 8 theo định hướng gắn với thực tiễn	TS. Nguyễn Trung Hiếu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
124.	Vũ Thanh Mai	Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học chủ đề: "Tổ hợp và xác suất" trong chương trình đại số lớp 11.	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
125.	Phùng Thị Mai	Rèn luyện kỹ năng mô hình hóa toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề phương trình ở lớp 10	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
126.	Bùi Phương Minh	Tổ chức lớp học đảo ngược trong dạy học khối đa diện ở trường trung học phổ thông.	TS. Phạm Văn Quốc	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
127.	Vũ Thị Hồng Nhung.	Dạy học giải quyết vấn đề đối với chủ đề giải bài toán bằng cách lập phương trình lớp 8	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
128.	Đoàn Thị Phương Nhung	Dạy học nội dung phương trình theo định hướng tích hợp cho học sinh lớp 9	TS. Đào Thị Hoa	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
129.	Đặng Thị Lan Phương	Dạy học Số tự nhiên trong chương trình lớp 6 theo định hướng dạy học kết hợp	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
130.	Đỗ Thanh Phương	Dạy học nội dung Bất phương trình - Hệ Bất phương trình trong chương trình Đại số 10	TS. Nguyễn Trung Hiếu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán

		Nâng cao theo định hướng dạy học hợp tác.		
131.	Nguyễn Thị Phương	Dạy học phần hình học trực quan ở lớp 6 theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh	TS. Phạm Thị Diệu Thùy	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
132.	Vương Thị Minh Phượng	Dạy học hợp tác trong môn hình học 8	GS.TS. Lê Anh Vinh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
133.	Lưu Thị Hương Quỳnh	Dạy học chủ đề lượng giác lớp 11 theo định hướng phát triển năng lực mô hình hoá	TS. Nguyễn Ngọc Phan	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
134.	Lê Thị Thảo	Cooperative learning in Math for grade 7 students using STEM Approach (Dạy học hợp tác Toán 7 theo tiếp cận STEM)	GS.TS. Lê Anh Vinh	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
135.	Đoàn Thị Thu Thảo	Dạy học chủ đề vuông góc trong không gian nhằm phát triển trí tưởng tượng và khả năng lập luận toán học cho học sinh	TS. Phạm Quang Hưng	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
136.	Nguyễn Thị Thu	Dạy học chủ đề giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số lớp 12 theo định hướng liên môn.	TS. Nguyễn Đức Huy	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
137.	Nguyễn Thị Thương Thương	Khai thác một số nội dung thực tiễn trong dạy học thống kê toán 7 cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	PGS.TS. Trịnh Phương Thảo	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán

138.	Nguyễn Thị Minh Thu	Dạy học nội dung giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của hàm số nhằm phát triển năng lực mô hình hóa Toán học cho học sinh lớp 12.	TS. Lê Đình Định	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
139.	Nguyễn Thủy Tiên	Tổ chức dạy học các bài toán thực tiễn trong chương trình đại số 10 theo định hướng giáo dục STEM	GS.TS. Trần Trung	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
140.	Tạ Minh Trang	Dạy học đồ thị hàm số ở trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ Toán học cho học sinh	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
141.	Hoàng Minh Tuấn	Interdisciplinary learning in some mathematics topics for grade 10 students (Dạy học liên môn trong một số chủ đề toán lớp 10)	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
142.	Nguyễn Anh Tuấn	Dạy học Số học 6 theo định hướng giáo dục STEM	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
143.	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Dạy học liên môn(interdisciplinary learning) trong một số chủ đề toán lớp 12	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
144.	Ngô Thị Hải Yến	Dạy học Đại số 8 gắn với thực tiễn	GS.TS. Trần Trung	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán
145.	Hà Thị Thanh Huyền	Thực trạng hành vi gây hấn ở học sinh Trung học Phổ thông trên địa bàn Hà Nội	TS. Lê Thị Thanh Thủy	Tham vấn học đường

146.	Nguyễn Hoàng Vân	Thực trạng áp dụng phương pháp kỹ thuật tích cực của giáo viên với học sinh tiểu học có hành vi gây hấn tại địa bàn Hà Nội	TS. Lê Thị Thanh Thủy	Tham vấn học đường
147.	Nguyễn Thu Hằng	Thực trạng hướng nghiệp tại các trường THCS quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	PGS.TS Phạm Mạnh Hà	Tham vấn học đường
148.	Nguyễn Duy Nhiên	Hoạt động tham vấn phòng ngừa quan hệ tình dục không an toàn cho học sinh THPT trường Dân tộc nội trú Hà Nội	PGS.TS Trần Thành Nam	Tham vấn học đường
149.	Nguyễn Thị Việt Bằng	Thực trạng hoạt động hướng nghiệp tại các trường THPT quận Hà Đông, Hà Nội	PGS.TS. Phạm Mạnh Hà	Tham vấn học đường
150.	Nguyễn Thị Thu Hà	Thực trạng nhận thức về xây dựng trường học hạnh phúc của giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Lạng Sơn	PGS.TS Đinh Thị Kim Thoa	Tham vấn học đường
151.	Tạ Thị Thu Hằng	Hiệu quả chương trình giáo dục kỹ năng sử dụng Internet an toàn cho học sinh Trung học cơ sở	PGS.TS. Trần Thành Nam	Tham vấn học đường

3. Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt (ghi tên chuyên ngành)
152.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Quỳnh Chi		SP Lịch sử
153.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Đình Chí		SP Lịch sử
154.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Văn Công		SP Lịch sử
155.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Hương Giang		SP Lịch sử
156.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phan Hoàng Hải		SP Lịch sử
157.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thúy Hằng		SP Lịch sử
158.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Chung Hiếu		SP Lịch sử
159.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Minh Hiếu		SP Lịch sử
160.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Thị Huệ		SP Lịch sử
161.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hồ Thị Thu Huyền		SP Lịch sử

	ngiệp			
162.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đinh Quỳnh Hương		SP Lịch sử
163.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trương Mai Hương		SP Lịch sử
164.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Ngọc Lan		SP Lịch sử
165.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phùng Thị Lệ		SP Lịch sử
166.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Mai Linh		SP Lịch sử
167.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Linh		SP Lịch sử
168.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Đăng Lưu		SP Lịch sử
169.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Triệu Thị Minh Lý		SP Lịch sử
170.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Phương Nam		SP Lịch sử
171.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thanh Hải Nguyên		SP Lịch sử
172.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Thị Thanh		SP Lịch sử

	nghiệp			
173.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Thảo		SP Lịch sử
174.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Hoài Thu		SP Lịch sử
175.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đoàn Thị Thúy		SP Lịch sử
176.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Mai Thị Ánh Tươi		SP Lịch sử
177.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thị Xuân		SP Lịch sử
178.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lù A Xuyên		SP Lịch sử
179.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Yến		SP Lịch sử
180.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Thu		SP Sinh học
181.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Khánh Huyền		SP Sinh học
182.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đinh Thị Phương Anh		SP Sinh học
183.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Thị Hòa		SP Sinh học

	ngiệp			
184.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đông Thị Ngọc		SP Sinh học
185.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Sái Thị Bình Nguyên		SP Sinh học
186.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Kiều Oanh		SP Sinh học
187.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Phương Thanh		SP Sinh học
188.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đào Thị Huyền Trang		SP Sinh học
189.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hải Yến		SP Sinh học
190.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Thị Mỹ Hằng		SP Toán học
191.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Hằng Nga		SP Toán học
192.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thị Hiên		SP Toán học
193.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thị Hồng		SP Toán học
194.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Lê Thị Thúy Hằng		SP Toán học

	ngiệp			
195.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Thị Trang		SP Toán học
196.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Thùy Chi		SP Toán học
197.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lương Thị Nga		SP Toán học
198.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Khánh Duy		SP Toán học
199.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Quý Tuấn		SP Toán học
200.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Sơn Tùng		SP Toán học
201.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Ánh Dương		SP Toán học
202.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Bảo Thoa		SP Toán học
203.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Lanh		SP Toán học
204.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Ngọc Tú		SP Toán học
205.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Phương Thanh		SP Toán học

	ngiệp			
206.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thanh		SP Toán học
207.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Huyền		SP Toán học
208.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Trang		SP Toán học
209.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Trung Hiếu		SP Toán học
210.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Minh Châu		SP Toán học
211.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Thành Long		SP Toán học
212.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Thùy Dương		SP Toán học
213.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Na		SP Toán học
214.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Ngọc Anh		SP Toán học
215.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trịnh Thị Yến		SP Toán học
216.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Trương Thị Huyền Trang		SP Toán học

	nghiệp			
217.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Thúy Mai		SP Toán học
218.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Khánh Huyền		SP Toán học
219.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đặng Minh Hà		SP Toán học
220.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Thị Mỹ Vân		SP Toán học
221.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Trường Xuân		SP Toán học
222.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Thị Khánh Hằng		SP Toán học
223.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lục Thị Như		SP Toán học
224.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lương Hữu Tiến		SP Toán học
225.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Ngô Tuấn Anh		SP Toán học
226.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Lan Anh		SP Toán học
227.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Phương Hiếu		SP Toán học

	ngiệp			
228.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Phương Nhung		SP Toán học
229.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Anh Thu		SP Toán học
230.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Đào		SP Toán học
231.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hiền		SP Toán học
232.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		SP Toán học
233.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Nguyệt Anh		SP Toán học
234.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Phương Uyên		SP Toán học
235.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Huyền		SP Toán học
236.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hoài		SP Toán học
237.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thùy Linh		SP Toán học
238.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Thùy Linh		SP Toán học

	nghiệp			
239.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Tuấn Hải		SP Toán học
240.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Anh Tuấn		SP Toán học
241.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Thị Ngọc Minh		SP Toán học
242.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Xuân Tiến		SP Toán học
243.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Quách Thị Như Quỳnh		SP Toán học
244.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Hà Phương		SP Toán học
245.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Thanh Huyền		SP Toán học
246.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Đức Huy		SP Toán học
247.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Ngọc Linh		SP Toán học
248.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Thị Mai		SP Ngữ văn
249.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Viết Trường		SP Ngữ văn

	ngiệp			
250.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đoàn Thị Phương Thảo		SP Ngữ văn
251.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Thị Thu Hoài		SP Ngữ văn
252.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Gia Thuần		SP Ngữ văn
253.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thu Vân		SP Ngữ văn
254.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Hồng Minh		SP Ngữ văn
255.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Mẫn Thị Kiều Trang		SP Ngữ văn
256.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hà Thu		SP Ngữ văn
257.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hồng Nhung		SP Ngữ văn
258.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Quỳnh Mai		SP Ngữ văn
259.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hồng Yến		SP Ngữ văn
260.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Lan Anh		SP Ngữ văn

	ngiệp			
261.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Ngọc Mai		SP Ngữ văn
262.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Nhung		SP Ngữ văn
263.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hà		SP Ngữ văn
264.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thúy Quỳnh		SP Ngữ văn
265.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Thị Hải Hà		SP Ngữ văn
266.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Tăng Thị Thủy		SP Ngữ văn
267.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Linh Chi		SP Ngữ văn
268.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Phương		SP Ngữ văn
269.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thu Cúc		SP Ngữ văn
270.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Mỹ Linh		SP Ngữ văn
271.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Thị Thu Hà		SP Ngữ văn

	ngiệp			
272.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Hải Yến		SP Ngữ văn
273.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Thị Hải Linh		SP Ngữ văn
274.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thu Hằng		SP Ngữ văn
275.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Loan		SP Ngữ văn
276.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Thoa		SP Ngữ văn
277.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Kim Thị Hoài		SP Ngữ văn
278.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phan Thị Hằng		SP Ngữ văn
279.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Hồng Nhung		SP Ngữ văn
280.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thanh Thủy		SP Ngữ văn
281.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Phương Anh		SP Ngữ văn
282.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Nguyễn Thị Huyền Nhài		SP Ngữ văn

	ngiệp			
283.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Khuất Thị Hà Trang		SP Ngữ văn
284.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Ngô Thị Mai		SP Ngữ văn
285.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Trần Hương Giang		SP Ngữ văn
286.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Tiến Sơn		SP Ngữ văn
287.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Thị Quỳnh Trang		SP Ngữ văn
288.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hà Vân Anh		SP Ngữ văn
289.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Chu Thị Hà		SP Ngữ văn
290.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hương Giang		SP Ngữ văn
291.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hải Anh		SP Ngữ văn
292.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Thu Thủy		SP Ngữ văn
293.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt	Đào Hồng Ánh		SP Ngữ văn

	ngiệp			
294.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Bảo Nguyên		SP Ngữ văn
295.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thị Lan		SP Ngữ văn
296.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Hải Ngọc		SP Ngữ văn
297.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Thị Xuân		SP Ngữ văn
298.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lưu Quỳnh Trang		SP Ngữ văn
299.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Diệu Linh		SP Ngữ văn
300.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hồng Hạnh		SP Ngữ văn
301.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Quỳnh Giang		SP Ngữ văn
302.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hoàn		SP Ngữ văn
303.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Huyền Trang		SP Ngữ văn
304.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Kiều		SP Ngữ văn

	nghiệp			
305.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thắm		SP Ngữ văn
306.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Trà My		SP Ngữ văn
307.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Tiến Anh		SP Ngữ văn
308.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Tạ Thùy Linh		SP Ngữ văn
309.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Khánh Hà		SP Ngữ văn
310.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Mai Phương		SP Ngữ văn
311.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Uyên		SP Ngữ văn
312.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Minh Hiền		SP Ngữ văn
313.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Thị Hồng Ngọc		SP Ngữ văn
314.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Bùi Thị Hương		SP Hóa học
315.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Chu Thị Ngân		SP Hóa học

	nghiệp			
316.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Dương Khánh Linh		SP Hóa học
317.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đinh Thị Toàn		SP Hóa học
318.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Quỳnh Hương		SP Hóa học
319.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hà Thị Bích		SP Hóa học
320.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thu Huyền		SP Hóa học
321.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nghiêm Thị Thùy Lương		SP Hóa học
322.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Ngô Thị Lan Chinh		SP Hóa học
323.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Hồng Nhung		SP Hóa học
324.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hà		SP Hóa học
325.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hoàng Mai		SP Hóa học
326.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Kim Cúc		SP Hóa học

	nghiệp			
327.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Mi		SP Hóa học
328.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Tùng Lâm		SP Hóa học
329.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phùng Nhật Linh		SP Hóa học
330.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phùng Phương Mi		SP Hóa học
331.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Minh Thúy		SP Hóa học
332.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thuỳ Linh		SP Hóa học
333.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Vũ Văn Hiến		SP Hóa học
334.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Công Thu Trà		SP Hóa học
335.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Dương Hà Nhi		SP Hóa học
336.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đặng Thị Thu Phương		SP Hóa học
337.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đoàn Như Quỳnh		SP Hóa học

	nghiệp			
338.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Minh Tuấn		SP Hóa học
339.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Hoàng Thị Thảo		SP Hóa học
340.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Thị Hà My		SP Hóa học
341.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Đức Hoàn		SP Hóa học
342.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thanh Hậu		SP Hóa học
343.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thế Quang		SP Hóa học
344.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Huyền		SP Hóa học
345.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Lan Anh		SP Hóa học
346.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hương		SP Hóa học
347.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phạm Thị Ngọc Huyền		SP Hóa học
348.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Phùng Thị Ngọc Ánh		SP Hóa học

	ngiệp			
349.	Xây dựng hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trần Thị Hồng Ngọc		SP Hóa học
350.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Trương Thị Anh		SP Hóa học
351.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Dương Thị Thu Hà		SP Vật lý
352.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đình Quốc Hùng		SP Vật lý
353.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Đỗ Thị Khánh		SP Vật lý
354.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Lê Trần Dũng		SP Vật lý
355.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Mỹ Linh		SP Vật lý
356.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Là		SP Vật lý
357.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hà		SP Vật lý
358.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Trà		SP Vật lý
359.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thu Thủy		SP Vật lý

	nghiệp			
360.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Tiến Thành		SP Vật lý
361.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Phạm Hoàng Hà		SP Vật lý
362.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Trương Thúy Oanh		SP Vật lý
363.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Hoàng Linh		SP Vật lý
364.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thị Bích Phương		SP Vật lý
365.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thị Thảo		SP Vật lý
366.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Thị Khánh An		SP Vật lý
367.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thị Thu Trang		SP Vật lý
368.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Chu Thị Thuý Quỳnh		SP Vật lý
369.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Đinh Thu Hà		SP Vật lý
370.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Lê Thị Hồng Nhung		SP Vật lý

	ngiệp			
371.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Ngô Thị Hoa		SP Vật lý
372.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Hồng Nhung		SP Vật lý
373.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Minh Tú		SP Vật lý
374.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Ngọc Minh Phương		SP Vật lý
375.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hà Trang		SP Vật lý
376.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Thị Khánh		SP Vật lý
377.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Trà		SP Vật lý
378.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Thị Tú Lệ		SP Vật lý
379.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Tuyết Ngân		SP Vật lý
380.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Phạm Mai Anh		SP Vật lý
381.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Phan Thị Kim Anh		SP Vật lý

	ngiệp			
382.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Quách Trường Sơn		SP Vật lý
383.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thị Hạnh		SP Vật lý
384.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thị Mên		SP Vật lý
385.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Vũ Thúy Vân		SP Vật lý
386.	Xây dựng bộ hồ sơ khóa luật tốt nghiệp	Nguyễn Kế Sơn		SP Vật lý

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn năm 2020 - 2021

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người CT và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1.	“Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, mã số KHGD/16-20.ĐT.006	Nhiệm vụ cấp quốc gia	GS.TS. Đào Trọng Thi	Trong nước	4/2017 - 4/2020	3.230 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; - Sản phẩm 2: 01 báo cáo đề xuất mô hình tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; - Sản phẩm 3: 01 hệ thống giải pháp, kiến nghị chính sách tăng quyền tự chủ, trách nhiệm cho cơ sở giáo dục đại học Việt

							<p>Nam giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 4: Bộ cơ sở dữ liệu về khảo sát các cơ sở GDĐH; - Sản phẩm 5: 04 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước; - Sản phẩm 6: 01 bài báo quốc tế đăng trên Tạp chí trong danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 7: 01 cuốn sách chuyên khảo về “Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”; - Sản phẩm 8: hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh
2.	Xây dựng bộ chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học phục vụ yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam, mã số KHGD/16-20.ĐT.027	Nhiệm vụ cấp quốc gia	GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Trong nước	8/2018 - 8/2020	2.600 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc gia được tính điểm của HĐCDGSNN; - Sản phẩm 2: 03 báo cáo (Đánh giá chỉ số phát triển tâm sinh lý của trẻ mầm non. Tiểu học và đánh giá chỉ số phát triển thể chất của năm non và tiểu học Tiểu học, mầm non); - Sản phẩm 3: 01 hệ thống tiêu chí chỉ số phát triển tâm, sinh lý trẻ mầm non và học sinh tiểu học (Không thử nghiệm); - Sản phẩm 4: Bộ công cụ đo và báo cáo thử nghiệm kết quả đo các chỉ số cơ bản trong phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ mầm non;

							- Sản phẩm 5: Bản khuyến nghị chính sách quản lý, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, chất lượng đổi mới giáo dục và đào tạo trên cơ sở hệ thống chỉ số phát triển tâm sinh lý của trẻ mầm non và tiểu học.
3.	Phối hợp thực hiện đề tài cấp nhà nước “Cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị Quyết 44-NQ/CP”, mã số KHGD/16-20.ĐT.005	Nhiệm vụ cấp quốc gia	PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn	Trong nước	10/2017 - 10/2020	3.400 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Tổng quan các nghiên cứu về đổi mới giáo dục và giải pháp nâng cao chất lượng đổi mới giáo dục; - Sản phẩm 2: Xây dựng khung phân tích (bộ tiêu chuẩn) để đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP; - Sản phẩm 3: Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và NQ số 44-NQ/CP; - Sản phẩm 4: Bản đề xuất, kiến nghị hệ thống giải pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của NQ 29-NQ/TW; - Sản phẩm 5: Báo cáo tổng kết đề tài về đánh giá NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP; - Sản phẩm 6: Hệ thống dữ liệu và số liệu phục vụ cho tra cứu của BGD&ĐT về NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP; - Sản phẩm thuộc dạng ấn phẩm: 01 bản thảo sách chuyên khảo và 06 bài báo khoa

							học đăng trên các tạp chí được tính điểm công trình KH của HĐ chức danh GS nhà nước; - Sản phẩm: Hỗ trợ 01 sản phẩm đào tạo là ThS.
4.	“Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý giáo dục điện tử - học điện tử trong nhà trường Việt Nam”, mã số KHGD/16-20.ĐT.042	Nhiệm vụ cấp quốc gia	TS. Tôn Quang Cường	Trong nước	3/2019 - 3/2020	2.750.046 triệu đồng	- Sản phẩm 1: Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam; - Sản phẩm 2: Báo cáo đánh giá thực trạng giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam; - Sản phẩm 3: Báo cáo tổng kết kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường và các đề xuất khuyến nghị cho Việt Nam; - Sản phẩm 4: Báo cáo đề xuất mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam và kết quả áp dụng thí điểm mô hình; - Sản phẩm 5: Báo cáo đề xuất các giải pháp, hướng dẫn thực hiện (phương thức, lộ trình, qui trình triển khai) hiệu quả, đồng bộ mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam; - Sản phẩm 6: 03 Bài báo khoa học trong nước;

							<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 7: 01 bài báo khoa học quốc tế; - Sản phẩm 8: Đào tạo: + 02 Thạc sĩ; + Hỗ trợ đào tạo 01 NCS.
5.	<p>Đề tài cấp nhà nước thuộc chương trình: “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội” của Bộ Khoa học và Công nghệ; Đề tài “Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng và giải pháp”, mã số KX.01.46/16-20</p>	Nhiệm vụ cấp quốc gia	TS. Nguyễn Thị Hương	Trong nước	06/2019 - 11/2020	3.120 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo tổng hợp: Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng và giải pháp”; - Sản phẩm 2: Báo cáo tóm tắt: “Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng giải pháp”; - Sản phẩm 3: Báo cáo kiến nghị; - Sản phẩm 4: 03 bài báo khoa học; - Sản phẩm 5: Bản thảo sách chuyên khảo; - Sản phẩm 6: Đào tạo 01 Thạc sỹ.
6.	<p>“Nghiên cứu hành vi nguy cơ về sức khỏe và các yếu tố dự báo ở lứa tuổi trung học phổ thông”, mã số: 501.02-2016.03</p>	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Trong nước	7/2017 - 7/2020	800 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng trên tạp chí uy tín thuộc danh mục AHCI, SSCI; - Sản phẩm: 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus hoặc tạp chí khác thuộc danh mục do Quỹ ban hành hàng năm; - Sản phẩm 3: 02 bài báo thuộc tạp chí thuộc danh mục do quỹ ban hành hàng năm;

							- Sản phẩm 4: Đào tạo 02 Thạc sỹ và 01 NCS.
7.	“Tác động của giáo dục tới tiền lương và hài lòng công việc của lao động trẻ ở Việt Nam”, mã số: 503.99.2018.302	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Trong nước	2/2019 - 2/ 2021	790 triệu đồng	- Sản phẩm 1: 02 bài báo trên tạp chí Scopus; - Sản phẩm 2: 02 bài báo đăng trên tạp chí quốc gia có uy tín; - Sản phẩm 3: Hỗ trợ đào tạo 02 học viên cao học của trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
8.	Nghiên cứu đề xuất mô hình bảo đảm chất lượng bên trong hiệu quả cho các trường đại học Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, mã số: 503.01-2019.305	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	TS. Nguyễn Hữu Cương	Trong nước	3/2020 - 3/2022	905 triệu đồng	- Sản phẩm 1: 01 bài báo thuộc danh mục tạp chí ISI có uy tín do Quỹ Ban hành; - Sản phẩm 2: 02 bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc tế uy tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 3: 01 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí iu tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 4: 01 sách chuyên khảo; - Sản phẩm 5: 01 đào tạo Thạc sỹ.
9.	Nghiên cứu quá trình khâu mạch và hoạt tính kháng khuẩn của lớp phủ nanocomposte trên cơ sở nhựa acrylic polyol, polyisocyanate, tannin minosa và hoạt nano lai TiO ₂ -Ag, mã số: 104.02-2019.314	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	TS. Hoàng Thu Hà	Trong nước	4/2020 - 4/2023	816 triệu đồng	- Sản phẩm 1: 02 bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc tế uy tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 2: 01 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí Quốc gia uy tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 3: Đào tạo 01 NCS.

10.	Nghiên cứu phát triển chuyên môn cho giáo viên tại cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu năng lực nghề nghiệp trong điều kiện đổi mới giáo dục hiện nay, mã số: 503.01-2020.03	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hải	Trong nước	6/2020 - 6/2022	719 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc tế uy tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 2: 02 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí uy tín do Quỹ ban hành; - Sản phẩm 3: 01 sách chuyên khảo; - Sản phẩm 4: 01 báo cáo tại Hội nghị/hội thảo trong nước/quốc tế; - Sản phẩm 5: đào tạo 01 Thạc sỹ.
11.	Phát triển năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục ở các Trường đại học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, mã số NCUD.05-2019.19	Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia	PGS.TS. Phạm Văn Thuần	Trong nước	2/2021 - 2/2024	1.546.8 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - 02 Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế có uy tín; - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc gia có uy tín; - 01 Sách chuyên khảo; - Hỗ trợ đào tạo 01 Tiến sỹ và 02 Thạc sỹ; - Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt đề tài; - Báo cáo kiến nghị chính sách để phát triển nguồn nhân lực.
12.	Nghiên cứu, đề xuất căn cứ đổi mới mô hình dạy học văn học theo hướng tiếp cận nghệ thuật	Cấp ĐHQGHN	PGS.TS.Lê Hải Anh	Trong nước	4/2021 - 4/2022	800 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 Báo cáo tình hình nghiên cứu vấn đề trong nước và quốc tế; - Sản phẩm 2: 01 Báo cáo Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát về thực trạng dạy học văn học theo hướng một loại hình nghệ thuật ở nhà trường phổ thông hiện nay; - Sản phẩm 3: 01 báo cáo Đề xuất mô hình dạy học Văn học theo hướng một loại hình nghệ

							<p>thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 4: 01 báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thử nghiệm mô hình dạy học Văn học theo hướng một loại hình nghệ thuật; - Sản phẩm 5: 01 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phân biện).
13.	Nâng cao năng lực nhận biết và chăm sóc về sức khỏe tâm thần (SKTT) trẻ em của cộng đồng, mã số QG.16.61	Cấp ĐHQGHN	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Trong nước	1/2016 - 1/2018	300 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 03 bài báo khoa học: <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về sức khỏe tâm thần ở trẻ em; 2. Hiểu biết chung của cộng đồng về rối loạn phổ tự kỷ; 3. Tâm lý học và sự phát triển bền vững con người trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0; 4. Effectiveness of the school-based mental health literacy in Vietnam. - Sản phẩm 3: Báo cáo hội nghị: 03 <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam; 2. Hiểu biết về SKTT trẻ em của giáo viên

							<p>THCS tại thành phố Đà Nẵng;</p> <p>3. Tình trạng SKTT và hiểu biết về SKTT của sinh viên tại Hà Nội, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á;</p> <p>- Sản phẩm 4: Tài liệu về chương trình nâng cao năng lực cộng đồng về tổn thương SKTT;</p> <p>- Sản phẩm 5: Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực nhận biết và chăm sóc SKTT trẻ em của cộng đồng;</p> <p>- Sản phẩm 6: Đào tạo 02 ThS và 1 NCS.</p>
14.	Nghiên cứu xây dựng phần mềm đánh giá chỉ số tâm trạng phục vụ tư vấn sức khỏe tâm thần và hướng nghiệp, mã số QG.18.34	Cấp ĐHQGHN	PGS.TS. Trần Thành Nam	Trong nước	1/2018 - 1/2020	400 triệu	<p>- Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI/ Scopus;</p> <p>- Sản phẩm 2: 01 bài báo đăng trên tạp chí ĐHQGHN;</p> <p>- Sản phẩm 3: 01 phần mềm tiến hành đánh giá các chỉ số tâm trạng, tính điểm, diễn giải và tổng hợp báo cáo về năng lực, phẩm chất, đặc điểm cá nhân phục vụ cho công tác tư vấn;</p> <p>- Sản phẩm 4: 01 Bộ công cụ đánh giá các đặc điểm tâm trạng cơ bản gồm (trí tuệ, nhân cách, hành vi cảm xúc, xu hướng nghề nghiệp, chỉ số sáng tạo, đam mê và vượt khó);</p> <p>- Sản phẩm 5: Đào tạo: 02 Thạc sĩ.</p>
15.	Cơ sở lý luận và thực	Cấp	PGS.TS.	Trong nước	3/2021 -	500 triệu	- Sản phẩm 1: Báo cáo lý luận chung giáo

	tiến xây dựng mô hình đào tạo tài năng cá nhân hóa phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Đại học Quốc gia Hà Nội	ĐHQGHN	Trần Thành Nam		3/2022		<p>dục tài năng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 2: Báo cáo thực trạng đào tạo tài năng cấp THPT đáp ứng xu hướng giáo dục đại học tài năng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; - Sản phẩm 3: Đề xuất mô hình đào tạo tài năng học sinh THPT dựa trên chính sách, chương trình và tiêu chí chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng xu hướng giáo dục tài năng Trường ĐHQGHN trong bối cảnh cách mạng 4.0.
16.	Nghiên cứu mối liên hệ giữa ô nhiễm tiếng ồn và sức khỏe tâm thần của giáo viên tại một số trường phổ thông trên địa bàn Hà Nội, mã số: CA.20.5A	Cấp ĐHQGHN	TS. Bùi Thị Thanh Hương	Trong nước	9/2020 - 3/2022	200 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo đánh giá thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại một số trường phổ thông; - Sản phẩm 2: Quy trình nghiên cứu mối liên hệ giữa sức khỏe tâm thần giáo viên bằng công nghệ nhận diện khuôn mặt; - Sản phẩm 3: Bộ dấu hiệu chỉ thị sức khỏe tâm thần giáo viên tại một số trường phổ thông trong mối liên hệ với ô nhiễm tiếng ồn; - Sản phẩm 4: Bộ công cụ khảo sát sức khỏe tâm thần của giáo viên trong mối liên hệ với ô nhiễm tiếng ồn; - Sản phẩm 5: Báo cáo tổng hợp đề tài; - Sản phẩm 6: 01 bài báo quốc tế đăng trên hệ thống không thuộc ISI/Scopus;

							<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 7: 01 bài đăng trong Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng ký trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 8: 01 báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị; - Sản phẩm 9: Bản xác nhận được ứng dụng tại Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
17.	Nghiên cứu quy trình xây dựng và quản lý hồ sơ tốt nghiệp điện tử của sinh viên theo hướng tiếp cận su phạm số (nghiên cứu trường hợp quản lý đào tạo cử nhân tại Trường Đại học Giáo dục, mã số QG.21.43	Cấp ĐHQGHN	TS. Bùi Thị Thanh Hương	Trong nước	4/2021 - 4/2023	300 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 Sản phẩm ứng dụng: Phần mềm quản lý hồ sơ tốt nghiệp điện tử của sinh viên tích hợp vào Moodle của UEd hoặc cổng thông tin đào tạo của VNU; - Sản phẩm 3: Báo cáo đánh giá thực trạng xây dựng và quản lý hồ sơ tốt nghiệp của sinh viên tại Trường Đại học giáo dục hiện nay; - Sản phẩm 4: Khung quy trình quản lý đào tạo, hồ sơ tốt nghiệp điện tử với các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với bối cảnh giáo dục số; - Sản phẩm 5: Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí dành cho “hồ sơ tốt nghiệp số” sinh viên bậc đại học gắn với quy trình quản lý đào tạo số, có

							<p>thể sử dụng cho tất cả các đơn vị đào tạo tại ĐHQGHN;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 6: Quy trình và các bộ tiêu chuẩn, tiêu chí bộ hồ sơ tốt nghiệp điện tử được tùy chỉnh trên nền tảng đào tạo trực tuyến Moodle của trường Đại học Giáo dục; - Sản phẩm 7: Hỗ trợ 1 Thạc sỹ.
18.	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình đào tạo theo hướng modun hóa trong ĐHQGHN, mã số: QG.20.45	Cấp ĐHQGHN	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Trong nước	4/2020 - 4/2022	300 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo hiện trạng về mô hình đào tạo ở Việt Nam hiện nay và của các đơn vị trong ĐHQGHN; chỉ ra các tồn tại và vướng mắc trong tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá; - Sản phẩm 2: Báo cáo mô hình quản lý và tổ chức tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, kiểm tra - đánh giá theo module hóa phù hợp với mục tiêu đặt ra; - Sản phẩm 3: Báo cáo đề xuất kiến nghị chính sách, tổ chức thực thi trong ĐHQGHN (các Ban chức năng; đơn vị đào tạo và phòng liên quan);
19.	Nghiên cứu đề xuất các hoạt động kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực người học trong dạy học Blended Learning tại ĐHQG Hà	Cấp ĐHQGHN	TS. Lê Thái Hưng	Trong nước	4/2020 - 4/2022	300 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống danh mục ISI/ Scopus; - Sản phẩm 2: 03 báo cáo liên quan đến chủ đề; - Sản phẩm 3: Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ.

	Nội, mã số: QG.20.46						
20.	Tư vấn các chính sách về giáo dục Việt Nam cho giai đoạn 2021 - 2026, định hướng 2030, tầm nhìn 2045	Cấp ĐHQGHN	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Trong nước	4/2021 - 4/2022	1.000 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo rà soát các mâu thuẫn, rào cản sự phát triển của giáo dục đại học trong hệ thống các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật; - Sản phẩm 2: Báo cáo rà soát các mâu thuẫn, rào cản sự phát triển của giáo dục phổ thông trong hệ thống các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật; - Sản phẩm 3: Báo cáo nghiên cứu xu thế đổi mới giáo dục đại học và đề xuất mô hình hợp tác cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với doanh nghiệp; - Sản phẩm 4: Báo cáo nghiên cứu xu thế đổi mới giáo dục phổ thông và tổng kết bài học kinh nghiệm triển khai đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam; - Sản phẩm 5: Báo cáo nhận diện một số vấn đề nổi bật của giáo dục trong bối cảnh hiện nay - Một số tư vấn chính sách cho Giáo dục Việt Nam.
21.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo trường học thông minh ở Việt Nam hiện nay, mã số	Cấp ĐHQGHN	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	Trong nước	1/2018 - 1/2020	300 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 02 Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 2: 01 Bài báo công bố trên tạp

	QG.18.32						chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 3: Đào tạo: 01 Tiến sỹ và 02 Thạc sỹ.
22.	Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý sáng tạo trong giáo dục phổ thông của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam, mã số: QG.18.31	Cấp ĐHQGHN	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Trong nước	1/2018 - 1/2020	200 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế không nằm trong hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 02 bài báo đăng trên tạp chí quốc gia; - Sản phẩm 3: Đào tạo: 02 Thạc sỹ.
23.	Báo cáo thường niên giáo dục Việt Nam năm 2020: Tồn tại và thách thức về chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông”, mã số: QG.20.48	Cấp ĐHQGHN	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Trong nước	4/2020 - 4/2022	350 triệu	- Sản phẩm 1: Báo cáo chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông trên cơ sở dữ liệu khảo sát theo mục tiêu đề ra; - Sản phẩm 2: Báo cáo tư vấn chính sách cho chính phủ và các bộ ngành liên quan; - Sản phẩm 3: Tổ chức công bố báo cáo cho các bên liên quan; - Sản phẩm 4: 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước hoặc kỷ yếu HT quốc tế có phản biện.
24.	Đề xuất phương án dạy học Blended learning đối với các môn Hóa học và Sinh học ở trường THPT Hà Nội, mã số: 01X-12/04-2018-3	Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Trong nước	8/2018 - 7/2020	1.400 triệu đồng	- Sản phẩm 1: 03 bài báo đăng trên Tạp chí giáo dục/ hoặc tạp chí Khoa học Giáo dục/ tạp chí ĐHQGHN/ Hoặc Hội thảo quốc gia; - Sản phẩm 2: 01 cuốn sách chuyên khảo; - Sản phẩm 3: Hỗ trợ đào tạo 02 Thạc sỹ; Đề tài có giá trị chuyển giao kết quả cho Sở

							Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và các trường THPT.
25.	Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại các trường cơ nguy cơ cao ở thành phố Hà Nội, mã số: 01X-12/03-2020-3	Nhiệm vụ cấp Sở KHCN Hà Nội	TS. Bùi Thị Thanh Hương	Trong nước	10/2020 - 3/2022	1,060 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc nghiên cứu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn đến sức khỏe và hoạt động của người dạy, người học; - Sản phẩm 2: Báo cáo đánh giá thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại các trường phổ thông của TP Hà Nội; - Sản phẩm 3: Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn tại các trường phổ thông của thành phố Hà Nội; - Sản phẩm 4: Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn đến hoạt động và sức khỏe của người học; - Sản phẩm 5: Báo cáo đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm tiếng ồn tại học đường; - Sản phẩm 6: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài; - Sản phẩm 7: Báo cáo tóm tắt; - Sản phẩm 8: Kỷ yếu Hội thảo; - Sản phẩm 9: Bài báo khoa học quốc tế; - Sản phẩm 10: Bài báo khoa học trong nước; - Sản phẩm 11: ứng dụng cảnh báo ô nhiễm tiếng ồn (App PNI).

26.	Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên Sư phạm Hóa học Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QS.19.05	Cấp cơ sở	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Trong nước	6/2019 - 6/2020	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Hệ thống các CĐTH và các giải pháp nâng cao NL dạy học tích hợp cho SVSPHH; - Sản phẩm 2: Bài báo trên tạp chí quốc gia hoặc Hội thảo Quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 3: Hỗ trợ 01Thạc sỹ.
27.	Tích hợp hệ thống thông tin địa lý (GIS - STORY MAP) trong thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp phần kim loại ở trường trung học phổ thông, mã số QS.19.08	Cấp cơ sở	TS. Vũ Thị Minh Trang	Trong nước	12/2019 - 12/2020	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng tạp chí trong nước; - Sản phẩm 2: Các chủ đề tích hợp phần kim loại dưới dạng bản đồ câu chuyện trên ứng dụng web GIS - STORY MAP; - Sản phẩm 3: Các kế hoạch bài giảng các chủ đề dạy học được thiết kế.
28.	Nghiên cứu thực trạng sử dụng sách điện tử (e-book) của giáo viên trường Trung học phổ thông và đề xuất giải pháp, mã số QS.20.01	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Trong nước	4 /2020 - 10/2021	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCOPUS về nội dung “Hiệu quả của việc sử dụng sách điện tử trong dạy học tại các trường trung học ở Hà Nội, Việt Nam”; - Sản phẩm 2: 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN/tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 3: 01 báo cáo ứng dụng tại trường THPT Khoa học giáo dục; - Sản phẩm 4: Đào tạo 01 Thạc sỹ.

29.	“Phát triển năng lực tự học cho học sinh qua dạy học đọc hiểu văn bản thông tin trong các môn học ở trường trung học phổ thông, mã số QS.20.02.	Cấp cơ sở	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Trong nước	4/2020 - 4/2022	40 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 2: 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 3: Đào tạo 01 Thạc sỹ.
30.	Nghiên cứu phương thức giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, mã số QS.20.08	Cấp cơ sở	TS. Văn Thị Minh Tư	Trong nước	12/2020 - 12/2022	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành có phản biện; - Sản phẩm 3: 02 chủ đề, 01 dự án giáo dục STEAM trong trường mầm non thông qua dạy học theo dự án; - Sản phẩm 4: Bộ tài liệu tập huấn về giáo dục STEAM cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non; - Sản phẩm 5: Đào tạo 01 Thạc sỹ.
31.	Ứng dụng GIS và nền tảng Moodle để xây dựng một số chủ đề tích hợp trong Chương trình đào tạo tại Khoa Sư phạm, trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Ngọc Ánh	Trong nước	12/2020 - 12/2022	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 02 chủ đề dạy học tương ứng với nội dung tích hợp các học phần có trong Chương trình đào tạo tại Khoa Sư phạm và Cơ sở dữ liệu số của các bản đồ và chuẩn GIS; - Sản phẩm 3: Quy trình các bước dạy học học

	QS.20.09						online bằng Moodle liên kết với Arc GIS online; - Sản phẩm 4: Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng.
32.	Nghiên cứu dạy học phát triển các biểu tượng Toán học của trẻ mầm non và Tiểu học”, mã số QS.21.01	Cấp cơ sở	TS. Phạm Quang Tiệp	Trong nước	4/2021 - 4/2023	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc gia có uy tín; - Sản phẩm 3: 01 Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển các biểu tượng Toán học của trẻ mầm non và tiểu học; - Sản phẩm 4: Báo cáo đề xuất nội dung và biện pháp phát triển các biểu tượng Toán học của trẻ mầm non và tiểu học; - Sản phẩm 5: Hỗ trợ đào tạo 01 Thạc sỹ.
33.	“Nghiên cứu dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ em mầm non và Tiểu học”, mã số QS.21.03	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Đức Khuông	Trong nước	4/2021 - 4/2023	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc gia có uy tín; - Sản phẩm 3: 01 Báo cáo cơ sở lý luận của dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ mầm non và học sinh tiểu học; - Sản phẩm 4: Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ mầm non và học sinh tiểu học; - Sản phẩm 5: Báo cáo đề xuất nội dung và

							biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ mầm non và học sinh tiểu học; - Sản phẩm 6: Hỗ trợ đào tạo 01 Thạc sỹ.
34.	Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho bộ công cụ đánh giá năng lực tư duy phản biện của sinh viên Việt Nam, mã số QS.20.04	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Trong nước	7/2020 - 7/20201	100 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 2: Báo cáo lý luận chung năng lực tư duy phản biện của học sinh Việt Nam; - Sản phẩm 3: Bộ số liệu thực tiễn năng lực tư duy phản biện của học sinh Việt Nam; - Sản phẩm 4: Bộ công cụ đánh giá năng lực tư duy phản biện của học sinh Việt Nam được đề xuất.
35.	Đặc điểm tâm trắc của bảng hỏi sang chấn thời thơ ấu phiên bản Việt Nam, mã số QS.20.03	Cấp cơ sở	NCS. Nguyễn Phương Hồng Ngọc	Trong nước	5/2020 - 5/2021	20 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện); - Sản phẩm 2: Bảng hỏi sang chấn thời thơ ấu phiên bản Việt Nam.
36.	Đánh giá nhu cầu Giáo dục tại nhà trên địa bàn Hà Nội, mã số	Cấp cơ sở	TS. Lữ Thị Mai Oanh	Trong nước	12/2020 - 12/2022	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 báo cáo khoa học kiến

	QS.20.07						ngợi, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng.
37.	Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh Trung học phổ thông ở Việt Nam, mã số QS.21.04	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Thị Liên	Trong nước	5/2021 - 5/2022	100 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc gia có uy tín; - Sản phẩm 2: 01 Bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh; - Sản phẩm 3: 01 app.
38.	Nghiên cứu đề xuất ứng dụng phân tích lịch sử sự kiện và kiểm định sự phù hợp χ^2 tổng quát trong giáo dục, mã số QS.19.06	Cấp cơ sở	TS. Trần Xuân Quang	Trong nước	6/2019 - 6/2020	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 báo cáo khoa học tư vấn kiến nghị chính sách; - Sản phẩm 2: 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI hoặc Scopus.
39.	Một số tính chất định tính của nghiệm phương trình đạo hàm riêng phi tuyến, mã số QS.19.07	Cấp cơ sở	PGS.TS. Vũ Trọng Lương	Trong nước	8/2019 - 8/2020	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 công bố khoa học quốc tế theo hệ danh mục hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: Hỗ trợ đào tạo 01 Thạc sỹ.
40.	Phát triển hệ thống đánh giá thích ứng năng lực mô hình hoá Toán học dành cho học sinh Trung học phổ thông lớp 12 theo định hướng của chương trình giáo	Cấp cơ sở	PGS.TS. Vũ Trọng Lương; Nguyễn Thái Hà	Trong nước	7/2020 - 7/2021	100 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo đăng tạp chí trong nước hoặc bài đăng hội thảo trong nước, quốc tế; - Sản phẩm 2: Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm thích ứng.

	đục phổ thông mới, mã số QS.20.05						
41.	Sử dụng mô hình SEM phân tích yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn Toán của học sinh Trung học phổ thông thành phố Hà Nội, mã số QS.20.06	Cấp cơ sở	TS. Tăng Thị Thùy	Trong nước	11/2020 - 11/2022	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 01 quy trình hướng dẫn phân tích mô hình SEM bằng phần mềm AMOS.
42.	Đánh giá tác động của chính sách tự chủ về nhân sự đến việc phát triển đội ngũ giảng viên. Nghiên cứu điển hình tại Trường Đại học Giáo dục”, mã số QS.21.05	Cấp cơ sở	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Trong nước	9/2021 - 3/2023	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 Báo cáo tổng kết đề tài; - Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus; - Sản phẩm 3: 01 Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng.
43.	Phát triển cộng đồng học tập chuyên môn của giáo viên phổ thông trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018”, mã số QS.21.02	Cấp cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Văn Hồng	Trong nước	4/2021 - 4/2023	60 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus; - Sản phẩm 2: 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc gia có uy tín; - Sản phẩm 3: 01 Báo cáo kiến nghị; - Sản phẩm 4: Hỗ trợ đào tạo 02 Thạc sỹ.

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức năm 2021

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham
-----	--	-------------------	------------------	------------------------

				dự
1.	Diễn đàn Hà Nội lần thứ nhất về KHGD&SP	24/11/2021	Tổ chức online + offline (Phòng studio, nhà C0, Trường ĐHGĐ)	1000
2.	Hội thảo Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo (VEC 2021) (Ủy ban VHGD của Quốc hội chủ trì, Trường ĐHGĐ và các đơn vị khác phối hợp)	23/ 11/2021	Tổ chức online	350
3.	Chuỗi seminar về nghiên cứu khoa học giáo dục & công bố khoa học (Tạp chí Giáo dục phối hợp tổ chức cùng với Trường ĐHGĐ và 1 số đơn vị khác)	2 tuần 1 lần vào thứ 7, bắt đầu từ 18/9/2021	Tổ chức online	300
4.	Hội thảo khoa học của HV SĐH	11/9/2021	Tổ chức online	200
5.	Hội thảo khoa học sinh viên	19/6/2021	Tổ chức online	400
6.	Seminar “Khoa học tự nhiên 6 – một số vấn đề chương trình, SHK và tổ chức dạy học”	15/10/2021	Tổ chức online	50
7.	Seminar đề cương HP “VHVN 1900 đến 1945”	21/9/2021	Tổ chức online	30
8.	Seminar đề cương HP “Nguyên lý lý luận văn học”	28/6/2021	Tổ chức online	30
9.	Seminar “Đạo đức và khoa học trong Quốc học Việt Nam”	26/7/2021	Tổ chức online	50
10.	Seminar “Đổi mới chương trình môn Lịch sử bậc THPT ở Trung Quốc: quá trình và kinh nghiệm”	14/6/2021	Tổ chức online	30
11.	Seminar Tác phẩm văn học và quá trình giao tiếp	27/5/2021	Tổ chức online	30
12.	Seminar Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	27/5/2021	Tổ chức online	30
13.	Seminar đề cương chuyên đề Thi pháp học	26/1/2021	Nhà C0 Trường ĐHGĐ	30
14.	Seminar đề cương HP “Cơ sở Tiếng Việt 2”	4/3/2021	P106 G7 Trường ĐHGĐ	30
15.	Seminar “Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin trong các môn học ở trường phổ thông”	18/3/2021	P304 nhà C0-Trường ĐHGĐ	30

16.	Seminar “So sánh chương trình Cambridge và chương trình tổng thể mới môn Toán cấp tiểu học”	18/3/2021	P304 nhà C0-Trường ĐHGĐ	40
17.	Seminar “Sử dụng kênh chữ và kênh hình trong dạy học phần “Lịch sử Đảng CSVN” ở bậc đại học	19/5/2021	Tổ chức online trên nền tảng Zoom	40
18.	Hội thảo “Đồng xây dựng các giải pháp nâng cao sức khỏe tâm thần và sự lành mạnh của thanh thiếu niên”	12, 16/12/2021	Tổ chức online trên nền tảng Zoom	300
19.	Seminar “Giáo dục Steam và tổ chức các hoạt động Steam cho trẻ ở Trường Mầm Non”	16/8/2021	Tổ chức online trên nền tảng Zoom	40
20.	Seminar “Trường học hạnh phúc và phòng chống bạo lực học đường”	24/4/2021	Tổ chức online trên nền tảng Zoom	60
21.	Seminar đề cương HP “Văn học và PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”	25/3/2021	P302 nhà C0 Trường ĐHGĐ	30
22.	Seminar đề cương HP “Phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non”	25/3/2021	P302 nhà C0 Trường ĐHGĐ	30
23.	Seminar “Sử dụng phần mềm “Mapinfor trong biên tập bản đồ chuyên đề phục vụ dạy học đa ngành”	19/5/2021	Tổ chức online trên nền tảng Zoom	40
24.	Seminar “Hoạt động hướng nghiệp ở bậc mầm non”	9/4/2021	Phòng 207, nhà C0	40
25.	Seminar “Biên soạn giáo trình phục vụ đào tạo ở trường Đại học Giáo dục”	4/3/2021	Nhà C0	70
26.	Seminar “Dạy học trực tuyến hiệu quả”	22/2/2021	Nhà C0	100
27.	Seminar “Phương pháp và kinh nghiệm giảng dạy môn Nhập môn Công nghệ giáo dục”	19/2/2021	Tổ chức online	30
28.	Seminar “Phương pháp giảng dạy môn Ứng dụng ICT trong giáo dục”	26/2/2021	Tổ chức online	50
29.	Công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường (AVR) trong giáo dục	25/3/2021	P.403 - Nhà C0, 182 Lương Thế Vinh	50
30.	Seminar “Văn hóa chất lượng trường học tại Đài Loan”	7/12/2021	Tổ chức online	40
31.	Đánh giá trong môi trường dạy học tích hợp:	28/10/2021	Tổ chức online	40

	Từ lý thuyết đến thực tiễn tại Trường Đại học Giáo dục			
32.	Sử dụng Mô hình phương trình cấu trúc bình phương tối thiểu riêng phần (PLS-SEM) trong nghiên cứu khoa học giáo dục"	26/8/2021	Tổ chức online	30
33.	Seminar "Trực quan hóa dữ liệu thống kê với phần mềm R"	24/6/2021	Tổ chức online	40
34.	Seminar "Kinh nghiệm đào tạo và đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên"	06/5/2021	Tổ chức online	60
35.	Seminar "Thực tiễn thực hành đánh giá phát triển (Formative Assessment) trong dạy học đại học: một khảo sát tại trường ĐHGĐ-ĐHQGHN	04/3/2021	Phòng 602 nhà C0, trường ĐHGĐ	50
36.	Seminar "Design thinking và đổi mới sáng tạo trong dạy học"	13/1/2021	Phòng 602 nhà C0, trường ĐHGĐ	70
37.	Seminar "Thực tiễn thực hành đánh giá phát triển (Formative Assessment) trong dạy học đại học: một khảo sát tại trường ĐHGĐ-ĐHQGHN	04/3/2021	Phòng 602 nhà C0, trường ĐHGĐ	40
38.	Seminar "Ảnh hưởng của các niềm tin về toán đến thành tích toán của học sinh"	08/4/2021	Phòng 602 nhà C0, trường ĐHGĐ	40

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giáo dục	4/2016	54/61 tiêu chí đạt (chiếm 88.52%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/9/2016	Đạt chuẩn chất lượng cơ sở đào tạo giáo dục	17/11/2016	17/11/2021

2.	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán	10/2017	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD, ngày 12/2/2018	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	19/4/2018	19/4/2023
3.	Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng Trẻ em và vị thành niên	12/2015	4.67/7	Số 13/ĐBCL-NC&QLĐBCL	Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn AUN		
4.	Cử nhân Sư phạm Hóa học	12/2016	4.6/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT		
5.	Thạc sĩ QLGD	12/2014	4.5/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN)		
6	Cử nhân Sư phạm Toán	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 14/NQ-HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024
7	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 15/NQ-HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024

8	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 16/NQ-HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024
9	Cử nhân Sư phạm Sinh học	4/2021	44/50 tiêu chí đạt (chiếm 88%)	Số 70/NQ-HĐKĐCLV ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	30/04/2021	30/08/2026
10	Cử nhân Sư phạm Vật lý	4/2021	44/50 tiêu chí đạt (chiếm 88%)	Số 71/NQ-HĐKĐCLV ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	30/04/2021	30/08/2026
11	Cử nhân Sư phạm Hóa học	4/2021	44/50 tiêu chí đạt (chiếm 88%)	Số 68/NQ-HĐKĐCLV ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	30/04/2021	30/08/2026
12	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	4/2021	44/50 tiêu chí đạt (chiếm 88%)	Số 69/NQ-HĐKĐCLV ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	30/04/2021	30/08/2026

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. Phạm Văn Thuận